PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Phụ lục 1
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Tiếp theo Công báo số 373 + 374)

52. Công ty TNHH T.M và S.X dinh dưỡng thú y Nam Long

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dynatilin HF	Tiamulin hydrogen fumarat	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị bệnh viêm đường hô hấp, viêm đa khớp, tiêu chảy, phù đầu do E.coli, sảy thai truyền nhiễm, PTH; ĐDL, hội chứng MMA	NL-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Erythromycin USP	Erythromycin thiocyanate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 250, 500g; 1,2kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin trên gia súc, gia cầm	NL-02
3	Doxycycline USP	Doxycycline HCl	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 250, 500g; 1,2kg	Phòng trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin trên gia súc, gia cầm	NL-03
4	Neomycin USP	Neomycin sulfate	Gói, thùng, xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg 2; 5kg; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột gây viêm ruột, tiêu chảy do E.coli, Salmonella; các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin	NL-04
5	Sultrim Plus	Sulfadimethoxine sodium, Trimethoprim	Gói, thùng, xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg 2; 5kg; 10kg	Phòng và trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trimethoprim	NL-05
6	Tiamulin HF	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, thùng, xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg 2; 5kg; 10kg	Trị suyễn, bệnh viêm phổi màng phổi trên lợn. Bệnh nhiễm trùng do Mycoplasma synoviae	NL-06
7	Coli-Ampi	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, thùng, xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg; 2; 5kg; 10kg	Trị phân trắng lợn con, PTH, ĐD trên heo. Đau đa khớp, nhiễm khuẩn ngoài da, viêm vú trên trâu, bò, ngựa. THT, bội nhiễm virus trên gia cầm	NL-7
8	Dyna-Coli	Tiamulin HF, Colistin sulfate	Gói, thùng, xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg; 2; 5kg; 10kg	Điều trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gia súc, gia cầm	NL-8
9	Amoxigen	Amoxicillin, Gentamycin	Gói, thùng, xô	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, viêm khớp do vi khuẩn Gr(+) và Gr(-), nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo, gà, vịt	NL-9

53. Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Bcomplex -EC	Vitamin C, E, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP, K_3, Folic acid, Choline	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Phòng, trị các chứng bệnh thiếu vitamin E, C, K, nhóm B	HCM-X24-2
2	Trị tiêu chảy heo con	Streptomycin, Neomycin, Vit B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Các bệnh tiêu chảy ở heo con do vi khuẩn gây ra	HCM-X24-4
3	NP-Amcolifort	Ampicillin, Colistin, Vit A, B_1, B_6, C	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Trị viêm nhiễm hô hấp và tiêu hóa	HCM-X24-7
4	NP-Bitolmin + B_{12}	Sorbitol, Vitamin B_{12}, Methionin, L-Lysin	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Giải độc gan, lợi mật, trị táo bón, phân sống	HCM-X24-8
5	NP-C.Vit plus	Vitamin C	Gói, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Tăng cường sức đề kháng, ngừa stress	HCM-X24-9
6	NP-Colixyvit	Oxytetracycline, Colistin, vit A, D_3, K, E, B_{12}, Riboflavine, Niacinamide, Patothenic	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Các bệnh hô hấp mãn tính CRD, viêm xoang, tiêu chảy, viêm ruột	HCM-X24-11
7	NP-Levasol 100	Levamisol HCl	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Trừ các loại giun sán trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-13
8	NP-Multivit	Vitamin A, D_3, K_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, Niacinamide, Biotin, Folic acid,	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Bổ sung vitamin và các chất điện giải	HCM-X24-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		Sodium bicarbonate, Sodium Chloride, Potassium Chloride				
9	Olin-EGG	Oxytetracycline, Vitamin A, D_3, K, E, B_2, B_6, B_{12}, PP, Calcium patothenate	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Tăng chất lượng, sản lượng trứng, tăng tỷ lệ nở	HCM-X24-16
10	NP-Doxymulin	Tiamulin, Doxycycline HCl, VitA, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_{12}, C, Niacinamide, Calcium pantothenate, Folic a	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Phòng và trị tiêu chảy, CRD, cảm cúm, bại liệt, đẻ non, đẻ ít, giúp gà, vịt, cút đẻ ổn định	HCM-X24-19
11	Vitamin-A.D.E	Vitamin A, D_3, E	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Thiếu vitamin A, D, E. Sảy thai, chết phôi	HCM-X24-22
12	NP-Trixine	Sulphadimidine, Trimethprim	Gói Xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg, 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, tiêu chảy	HCM-X24-32
13	NP-Antigum	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, C, K_3, Paracetamol, Methionin, Lysin, Sodium, Pota.chloride	Gói	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng chống bệnh Gum-boro, giảm tỷ lệ chết	HCM-X24-33
14	NP-Enrocin 500	Enrofloxacine	Gói Xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g; 1kg	Viêm phổi, phế quản, tụ huyết trùng, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15	NP-Tetramisol	Levamisole	Gói Xô	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g; 1kg	Trừ các loại giun sán trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-37
16	Oxolin 250	Oxolinic acid	Gói	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Thương hàn, tiêu chảy, tụ huyết trùng, sưng phù đầu	HCM-X24-38
17	Diar Stop-Forte	Colistin sulfate, Oxytetracyclin	Gói, lon, xô	5; 10; 20; 50; 100; 250g; 500g, 1; 5; 10kg	Trị tiêu chảy cấp tính và mãn tính, tiêu chảy do E.coli, Salmonella	HCM-X24-40
18	Doxy-Floxgen	Doxycyclin HCl, Gentamycin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g, 1kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính, viêm phổi, viêm xoang mũi trên gia cầm, gia súc	HCM-X24-41
19	NP-Coli-ampi	Ampicillin, Colistin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g, 1kg	Phòng, trị tiêu chảy, viêm ruột do E-coli, Salmonella, viêm phổi, xoang, móng, viêm khớp	HCM-X24-42
20	NP-T.C.Spiravit	Spiramycin, Oxytetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Oxytetrcyclin	HCM-X24-70
21	NP-Coccin	Sulphadimidin, Diaveridin	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng, ỉa chảy và thương hàn	HCM-X24-71
22	Napha-TTS	Tetracyclin, Tylosin tatrate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Điều trị bệnh viêm phổi do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin và Tylosin	HCM-X24-72
23	NP-Neocoli	Neomycin, Colistin sulphate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistin	HCM-X24-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
24	Anti-CRD	Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD trên gia cầm, viêm phổi, lỵ trên heo	HCM-X24-6
25	Anticoli	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-10
26	Flumet	Flumequine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X24-21
27	Lincocin	Lincomycin HCl	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-39
28	Noceral	Norfloxacin, Vit C	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, gia cầm	HCM-X24-43
29	Mycosin	Tilmicosin (as phosphate)	Lọ, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-77
30	NP-Kalis	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, lợn con, chó, mèo	HCM-X24-01
31	NP- Diatop	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm, cút	HCM-X24-03
32	NP- Linspec	Spectinomycin HCl, Lincomycin HCl	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, vịt, chó, mèo	HCM-X24-05

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
33	Nabusal 10%	1- (butylamino)-1 methylethyl-phosphoric acid, Vit B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	HCM-X24-12
34	NP- Sone	Oxytetracyclin HCl, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin, Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X24-15
35	NP- Rolin	Oxytetracyclin HCl, Tylosin tartrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X24-17
36	Broncho inject	Bromhexin HCl	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Dịu ho, làm lỏng dịch nhày phế quản và làm dễ bài xuất đờm	HCM-X24-18
37	NP-Enroflox 5%	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Viêm phổi, phế quản, tụ huyết trùng, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-23
38	NP-Vit C 2000	Acid Ascorbic	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Tăng đề kháng, chống stress	HCM-X24-24
39	NP-Norflox 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị chứng nhiễm trùng do Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma	HCM-X24-25
40	NP-Biseptol 240	Sulfamerazine, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, phù thũng	HCM-X24-26
41	NP-Polyvit-Forte	Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, PP	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin	HCM-X24-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
42	NP-Polyvit B	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinamide, D-pathenol	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin Nhóm B	HCM-X24-28
43	NP-Norfolx 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị nhiễm trùng do Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma	HCM-X24-29
44	NP-Enroflox 10%	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị viêm phổi, phế quản, THT, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-30
45	NP-Marbocin	Marbofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	HCM-X24-31
46	NP-B.Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, Nicotinamide	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin nhóm B trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	HCM-X24-34
47	NP-Norcotin	Norfloxacin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường niệu trên chó	HCM-X24-44
48	NP-Tiacolistin	Tiamulin, Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, xoắn khuẩn; viêm phổi do Mycoplasma, viêm khớp ở gia cầm	HCM-X24-45
49	Genta-Coliflox	Gentamycin sulfate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị CRD, viêm ruột, E. coli, viêm rốn, phân xanh - phân trắng, sưng đầu vịt, THT, thương hàn, viêm xoang mũi	HCM-X24-47

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
50	Dexamethasone 0,1%	Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Chống viêm và chống dị ứng; Dùng kết hợp với kháng sinh trong điều trị	HCM-X24-48
51	NP-Amox-Colis	Amoxicillin sodium, Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm phổi, viêm khí quản, suyễn, viêm khớp, nhiễm trùng máu, hô hấp, viêm ruột tiêu chảy, bệnh do E.coli	HCM-X24-49
52	NP-Ampi-Colis	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị THT, phân trắng, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày, ruột, ỉa chảy do E.coli và Salmonella, CRD ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-50
53	NP-Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú	HCM-X24-51
54	NP-Atropin sulfate 0,05%	Atropine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị co thắt ruột, tiêu chảy nặng, co thắt khí - phế quản, phù thũng phổi, giảm đau - tiền mê trong phẫu thuật, giải độc	HCM-X24-52
55	NP-Calcium + B_{12}	Calcium sluconate, Vitamin B_{12}	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị các chứng sốt sữa, co giật, bại liệt, thú bị còi cọc, thiếu máu, chậm lớn	HCM-X24-53
56	Eco-500	Enrofloxacin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, khớp, đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	HCM-X24-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
57	NP-Belcotin-S Colistine Sulfate 2%	Colistine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm dạ dày ruột, phù thũng, viêm thận, vú, tử cung, viêm đa khớp, viêm phổi	HCM-X24-55
58	NP-Gentamycine Sulfate 4%	Gentamycine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi ở gia súc, nhiễm trùng huyết, tiêu chảy	HCM-X24-56
59	NP-Linco 10%	Lincomycine HCl	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm khớp nhiễm trùng hô hấp, máu, sinh dục	HCM-X24-57
60	NP-Levasol Levamisol HCl 7,5%	Levamisol HCl	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị sán giun trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-58
61	NP-Oxytetra 10%	Oxytetracyclin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-59
62	NP-D.O.C Sone	Thiamphenicol Oxytetracyclin HCl Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, phân trắng, PTH, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, thối móng	HCM-X24-60
63	Vitamin AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó	HCM-X24-61
64	NP-Tylosin 100	Tylosin tatrate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị CRD, CCRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm; viêm ruột, viêm vú, lepto	HCM-X24-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
65	NP-Analgin 25%	Analgin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú trong các bệnh nhiễm trùng	HCM-X24-65
66	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu vitamin B_{12}	HCM-X24-66
67	NP-Vit C 1000	Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng, trị thiếu máu do thiếu vit C, tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X24-67
68	NP-Ivermectin	Ivermectin	Ống Lọ, chai	2ml; 5; 10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng ở trâu, bò và lợn	HCM-X24-68
69	NP-Rovam 2000	Spiramycin, Colistin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spira-mycin và Colistin	HCM-X24-69
70	Naflor L.A	Florphenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa và hô hấp trên heo	HCM-X24-75
71	Nacosin	Tilmicosin (as phosphate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-76
72	Albenleva	Albendazol Levamisol HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nội ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-78
73	Albenzol	Albendazol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X24-79
74	Amoxicol	Amoxicillin Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm tử cung, viêm rốn trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X24-80

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
75	Diclazu	Diclazuril	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm, heo	HCM-X24-81
76	Spectilin	Lincomycin HCl Spectinomycine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị hồng lỵ, E.coli, Salmonella spp, viêm phổi trên heo, gia cầm	HCM-X24-82
77	Tylodox	Tylosine tartrate Doxycycline HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, gia cầm, cừu, lợn	HCM-X24-83
78	Tylosul	Tylosine tartrate Sulfamethazine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, Mycoplasma, hồng lỵ trên heo, gia cầm	HCM-X24-84
79	Wor-F	Ivermectin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X24-85
80	Cotrim-Fort	Sulfamethoxazol Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, tụ huyết trùng trên bê, heo, gia cầm	HCM-X24-86
81	E - Flox	Enrofloxacine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-87
82	Amoxlav	Amoxicillin, Bromhexine HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục - tiết niệu, tiêu hóa trên gia cầm, heo	HCM-X24-88
83	F.M.T	Sulfamonomethoxine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, Coryza, viêm teo mũi truyền nhiễm, nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, viêm	HCM-X24-89

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
					vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA) trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	
84	Florcol	Florfenicol	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo	HCM-X24-90
85	Tolacox	Toltrazuril	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo con, gia cầm	HCM-X24-91
86	E-250	Enrofloxacine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị E.coli, thương hàn, Myco-plasma spp trên gia cầm	HCM-X24-92
87	Eco 500 Spray	Oxytetracycline HCl	Lọ, chai	50; 100; 150; 250ml	Trị vết thương ngoài da, móng	HCM-X24-93
88	NP- Tiadox	Doxycyclin HCl, Tiamulin fumarat acid	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính trên lợn, gà	HCM-X24-94
89	Flor-FS	Florfenicol	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gia cầm	HCM-X24-95
90	Floxin	Enrofloxacin	Chai, can	5; 10 ; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị CRD, CCRD, Coryza, Colibacillosis, thương hàn, nhiễm trùng thứ phát trên gia cầm	HCM-X24-96
91	Maxflox-B	Enrofloxacin, Bromhexine	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị CRD, CCRD, Coryza, Colibacillosis, thương hàn, nhiễm trùng thứ phát trên gia cầm	HCM-X24-97
92	Doxylin	Doxycycline	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X24-98

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
93	Nystin	Nystatin	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nấm phổi, nấm miệng, nấm diều, viêm phổi bội nhiễm nấm trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X24-99
94	A.C.L	Acid lactic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị Nosema, ỉa chảy, ấu trùng phấn, chí lớn (Varoa), ve khí quản (tracheamites) trên ong mật	HCM-X24-100
95	A.C.F	Acid formic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị Nosema, ỉa chảy, ấu trùng phấn, chí lớn (Varoa), ve khí quản (tracheamites) trên ong mật	HCM-X24-101
96	Tilmicos	Tilmicosin phosphate	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	HCM-X24-102
97	Amox-Colis	Amoxicillin trihydrate, Colistin Sulphate	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, viêm rốn trên gia súc, gia cầm non	HCM-X24-103
98	Ampi-Colis	Ampicillin Trihydrate, Colistine Sulphate	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X24-104
99	NP-Belcotin- S	Colistin sulfate	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X24-105
100	Pharmalin-C	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X24-106

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
101	ANTICOC	Toltrazuril	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo, gia cầm	HCM-X24-107
102	Hepain	Sorbitol, Methionine, Lysine, Betaine	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Tăng cường chức năng gan, lợi mật, trị táo bón, phân sống	HCM-X24-109
103	Doxyneo	Doxycycline hyclate Neomycin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, cừu, dê, heo, gia cầm	HCM-X24-110
104	Doxycol	Doxycycline hyclate Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, cừu, dê, heo, gia cầm	HCM-X24-111
105	Colitrim	Colistin sulfate Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X24-112
106	Nacox	Sulfadimidine Diaveridine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X24-113
107	Cephaxin	Cephalexin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị E.coli, Salmonella, Coryza, viêm da trên gia cầm; Trị sốt không rõ nguyên nhân, nhiễm trùng vết thương, mô mềm trên cừu	HCM-X24-114
108	NP- Enroflox 10%	Enrofloxacin base	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, chó	HCM-X24-115

54. Doanh nghiệp tư nhân Phúc Thọ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	C Vibrio F_2	Vitamin A, B_1, B_2, B_5, B_6, C, D, E, PP. Acid Folic, Biotin	Gói - hộp	50, 100, 500g 1kg	Bổ sung các Vitamin Chống Stress cho vật nuôi	HCM-X23-01
2	C Customer Stress	Vitamin C, Acid Citric	Gói - hộp	5, 10, 20, 50, 100g 500g, 1000g	Chống Stress; Bổ sung Vitamin C, nâng cao sức đề kháng cho vật nuôi	HCM-X23-03
3	Giải độc gan	Methionin, Sorbitol Vitamin C	Gói - hộp	5, 10, 20, 50, 100g 500g, 1000g	Kích thích tiết mật, dịch vị. Trị đầy bụng, chậm tiêu hóa, viêm túi mật dị ứng	HCM-X23-04
4	Flumequizin	Flumequin	Gói - hộp	5, 10, 20, 50, 100g 500g, 1000g	Điều trị tiêu chảy, sưng mắt, phù đầu, thương hàn, THT, cúm phổi	HCM-X23-07

55. Công ty TNHH kinh doanh thuốc thú y Minh Ngân

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	MN Terra-Tiamulin	Tiamulin fumarate, Tetracyclin HCl	Gói Hộp	5, 50, 100, 1.000g 100, 1.000g	Phòng và trị CRD,THT, thương hàn, tiêu chảy viêm ruột, bệnh hồng ly…	MNV-2
2	A.C.G	Vitamin C	Gói, hộp	100, 500g, 1kg, 10kg	Tăng cường sức đề kháng, chống stress do vận chuyển, chuyển đàn, chủng ngừa vaccin	MNV-5
3	Vitamin E	Tocopherol	Gói Hộp	50, 500g,1.000g 500g, 1kg, 5kg	Trị chứng vô sinh, suy tạo tinh trùng, viêm cơ, chống sơ cứng	MNV-6
4	Ampi-Coli A.C	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói Hộp	3, 50, 100, 1.000g 500, 1.000g	Trị tiêu chảy phân trắng, viêm ruột do E.coli, thương hàn viêm phổi	MNV-7
5	Levamisole	Levamisole HCl	Gói	2, 20, 100g	Chuyên trị các loại giun đường hô hấp và đường tiêu hóa ở gia súc gia cầm	MNV-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Biotin (vitamin H)	Biotin, Vitamin A, B_5	Gói Hộp	50, 100, 1.000g 500, 1.000g	Phòng và trị nứt móng, hư móng, viêm da, đau chân ở gia súc	MNV-23
7	Vitamin BC complex (super)	Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6, PP, C, K_3, B_{12}, Folic acid	Gói Hộp	5, 10, 50, 100g, 500, 1.000g	Chống bại liệt ở gia cầm, kích thích tăng trọng, tăng đẻ trứng gia cầm, tăng cường sức đề kháng, chống stress	MNV-24
8	MN Terramycin	Oxytetracyclin HCl	Gói	5, 50, 100g	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột	MNV-26
9	Cottryl 480	Sulfadimidin, Trimethoprim	Gói Hộp	100g 500, 1.000g	Phòng trị nhiễm trùng đường ruột	MNV-29
10	MN Ampicoli	Colistin sulfate, Vit A, C Ampicillin trihydrate	Gói, hộp	5; 20; 30; 50; 100; 500; 1000g	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, phân trắng, E.coli ở gia súc, gia cầm	MNV-33
11	Lou-Mix	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_5	Gói, hộp	30; 50; 100g 0,5; 1kg	Cung cấp các vitamin cần thiết, chống Stress, tăng cường sức đề kháng bệnh	MNV-34
12	Strepto-Terra 150	Oxytetracyclin HCl, Streptomycin sulfate	Gói Hộp	5; 50; 100g	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hóa của gia súc, gia cầm	MNV-35
13	Spira-Colis	Spyramycine, Colistin sulfate, Vit A, C	Gói Hộp	5; 10; 30; 50; 100g 500; 1000g	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-); tiêu chảy viêm ruột, hội chứng MMA	MNV-36
14	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Gói Hộp	5; 10; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, THT, viêm phổi, viêm mủ tử cung, viêm vú	MNV-44
15	AD_3E Bcomplex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, B_9, B_{12}, PP, K_3, C	Gói Hộp	5, 10, 30, 50, 100g 500, 1.000g	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	MNV-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
16	Coli-Tervit	Colistin sulfate, Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, PP, K_3, H, Oxytetracyclin	Gói Hộp	5, 10, 30, 50, 100g 500, 1.000g	Trị CRD, tiêu chảy và nhiễm trùng máu do E. coli, THT, PTH, viêm phổi, viêm màng phổi ở gà, vịt, heo, bò, chim, cút	MNV-47
17	MN Terra Egg	Oxytetracyclin, Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_3, B_5, B_9, B_{12}, PP, K_3, C	Gói Hộp	5, 10, 50, 100g 500g, 1kg, 5kg	Cung cấp các loại Vitamin thiết yếu, tăng sức đề kháng chống nhiễm khuẩn	MNV-51
18	Tia-Colis	Tiamulin, Colistin sulfate	Gói Hộp	5, 10, 20, 30, 50, 100g; 500, 1.000g	Phòng, trị bệnh CRD ở gia cầm, suyễn lợn, viêm khớp, nhiễm trùng máu, bệnh đường ruột do E.coli, bệnh tiêu chảy, phân trắng	MNV-52
19	Tiamulin 10%	Tiamulin	Gói Hộp	5, 10, 20, 30, 50, 100g ; 500, 1.000g	Trị viêm phổi, hồng lỵ, sảy thai, nhiễm trùng máu	MNV-53
20	Aptysin 200	Apramycin sulphate, Tylosin tatrate	Hộp, gói	5; 20; 30; 50; 100; 500; 1000g	Trị CRD, bệnh do E.coli, bệnh viêm ruột tiêu chảy, phân trắng, bệnh bạch lỵ	MNV-69
21	Cocci-Clear	Sulfachloropyridazine, Sulfadimidine, VitA, K	Hộp, gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh cầu trùng ở gia cầm, thỏ, heo con, bê nghé	MNV-71
22	Gumbofini	Potassium, Sodium citrate, Phenylbutazone, Vit B_1, B_2, C, PP, Menadione	Hộp, gói	5; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị triệu chứng của bệnh Gumboro; Viêm thận (nephritis), xung huyết thận (renal congestion), sốt do virus	MNV-73
23	Doxicin 200	Doxycycline hyclate salt, Tylosin tartrate salt	Gói, hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500,100; 500; 1000g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin và doxycycline ở bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	MNV-93

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
24	MN Flumedin	Flumequin	Gói	5; 10; 30; 50; 100; 500; 1000g	Trị các bệnh đường ruột, dạ dày do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin ở lợn và gia cầm	MNV-97
25	MN Sorbitol-C	Sorbitol, acid ascorbic	Gói Hộp	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 100, 200, 500, 1000g	Trị sốt, táo bón, khó tiêu, biếng ăn, dị ứng do thức ăn hoặc dị ứng thuốc	MNV-100
26	MN-Colcin	Colistin sulfate	Gói	5; 10; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột truyền nhiễm, tiêu chảy do E.coli, bệnh nhiễm trùng máu ở gia súc non	MNV-102
27	Apflu 200	Apramycin sulfate salt	Gói, hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 50; 100; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Apramycin gây ra	MNV-104
28	Streptomycin Sulphate	Streptomycin sulphate	Lọ	10ml-1g	Trị lao, sảy thai truyền nhiễm, THT, nhiễm trùng đường ruột của gia súc, gia cầm	MNV-76
29	Penicillin	Penicillin	Lọ	1 MUI; 2 MUI; 3 MUI; 4 MUI	Trị dấu son ở heo, nhiệt thán, viêm đường hô hấp, viêm thận, bàng quang, màng bụng, viêm vú, nhiễm trùng, xoắn khuẩn	MNV-77
30	Scabex	Deltamethrin	Lọ	20; 30; 60; 100g	Trị ghẻ và ký sinh trùng ngoài da ở heo	MNV-105
31	Ampicilin	Ampicillin sodium	Lọ	1g	Trị nhiễm trùng đường máu, tụ huyết trùng, thương hàn, bệnh do E.coli	MNV-106
32	MN Pen- Strep	Penicillin G potassium, Streptomycin sulfate	Lọ	1.triệu IU Penicillin 1g Streptomycin.	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	MNV-107

56. Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Thịnh Phát

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Xổ Lãi	Levamisol	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị giun tròn, giun phổi, giun tóc, giun lươn ở heo, trâu, bò	HCM-X26-1
2	Stopgum	KCl, NaCl, $NaHCO_3$, B.Complex	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Tăng cường sức đề kháng cho gà con phòng chống bệnh Gumboro	HCM-X26-2
3	Anagin C	Anagin, Vitamin C, Sorbitol	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Làm hạ nhiệt và giảm đau, chống suy nhược cơ thể sau khi bị bệnh; tác dụng kháng viêm	HCM-X26-3
4	Ampicoli plus	Ampicillin	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh phân trắng, phân vàng do Ecoli, CRD, THT, thương hàn,…	HCM-X26-5
5	Anti-diarrhea	Norfloxacin	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh phân trắng, phân vàng ở heo	HCM-X26-6
6	Colibaci plus	Licomycine	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng ngừa hội chứng tiêu chảy ở heo, kích thích thèm ăn, tăng sức đề kháng	HCM-X26-7
7	Hô hấp heo gà	Spiramycin, Sulfadimidin, Bromhexine, Paracetamol	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra như: CRD. Ecoli,…	HCM-X26-8
8	Amfloxin Plus	Ampicilline, Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, C	Gói	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X26-10
9	Enrocoli Fort	Gentamycin	Gói	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, sinh dục, tiết niệu	HCM-X26-13
10	Coliampi Plus	Ampicilline, Vitamin C	Gói	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X26-14
11	Flucovit	Oxytetracyclin, Vitamin A, D, E	Gói	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Trị bệnh tụ huyết trùng ở gia cầm	HCM-X26-15

57. Công ty TNHH thuốc thú y quốc tế Đông Nghi (INVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Cephagenta	Cephalecin monohydrate, Gentamycin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị CRD, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, cúm, viêm mũi, phù đầu vịt	HCM-X27-01
2	Invet - Coli	Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Phòng và trị nhiễm trùng đường ruột trên heo, bò, gà, vịt, chim, cút	HCM-X27-02
3	Invet - Bactrim	Sulfadimidin sodium, Trimethoprim	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia súc; THT, viêm phế quản, phổi trên gia cầm	HCM-X27-03
4	Tylomox	Amoxycilline trihydrate, Tylosin tartrate, vitamin B_1, B_2, B_5, B_6, PP, C, K_3	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa và hô hấp như: sưng phù đầu vịt, viêm xoang mũi vịt, CRD	HCM-X27-04
5	Paravil	Paracetamol HCl, Chlopheniramin	Viên	8,10,16g	Hạ sốt nhanh; Trị chứng bỏ ăn do cảm, cúm. Trị chảy nước mũi trên gia súc, gia cầm	HCM-X27-06
6	Tẩy giun sán	Levamisol HCl	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Tẩy giun sán đường phổi và đường ruột của heo, bò, gà, vịt, ngan, ngỗng, chim, chó, mèo	HCM-X27-07
7	Úm gà vịt	Spiramycin adipic acid, Colistin sulfate, vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, PP, B_{12}, K_3	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Dùng úm gà, vịt, cút non; chống stress, phòng và trị bệnh đường hô hấp và đường ruột	HCM-X27-08
8	Invet - Colitetra	Oxytetracyclin HCl, Colistin sulfate, Vitamin A, D_3, E, B_2, B_5, PP, B_{12}, K_3	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị, viêm màng hoạt dịch truyền nhiễm, viêm ruột tiêu chảy trên heo con sơ sinh, bệnh phù, viêm ruột do vi khuẩn,…	HCM-X27-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
9	Invet - T.C.H	Apramycin sulfate, Colistin sulfate, Vitamin A, PP, K_3	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị các bệnh tiêu chảy phân trắng, phân vàng của heo con	HCM-X27-12
10	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin HCl	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị hen (CRD), viêm phổi, THT, viêm phế quản, tiêu chảy do E.Coli, nhiễm trùng máu	HCM-X27-13
11	Apramycin	Apramycin sulfate, vitamin A, B_1, B_6	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g,1kg	Trị phân trắng do E. Coli, phù, sưng mắt, phù mặt, bạch lỵ gia cầm	HCM-X27-16
12	Invet - K.C.N	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng, phó thương hàn, tiêu chảy, viêm phổi, viêm đường tiết niệu	HCM-X27-17
13	Invet - Dynadoxy	Tiamulin hydrogen fumarate, Doxycilin HCl	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hóa	HCM-X27-18
14	Analgin + C	Analgin, vitamin C, acid citric	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng cơ thể, phòng chống các hội chứng stress	HCM-X27-19
15	Toi gia cầm	Erythromycin thiocyanate, Colistin sulfate, vitamin B_1, B_5, B_6, PP, C, K_3	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh toi gà vịt, cút, ngỗng, gà tây. Phòng bệnh do thời tiết thay đổi hoặc khi điều kiện môi trường bất lợi làm giảm sức đề kháng của gia cầm	HCM-X27-20
16	Invet - Ampicoli	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng, viêm rốn, viêm xoang mũi, viêm ruột, CRD, THT, thương hàn trên gia súc, gia cầm	HCM-X27-22
17	Kháng sinh vịt	Tiamulin hydrogen fumarate, Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh, sưng phù đầu trên vịt	HCM-X27-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
18	Analgin + C	Analgin, vitamin C, acid citric	Viên	8,10,16g	Tăng sức đề kháng, phòng chống các hội chứng stress	HCM-X27-24
19	Bromhexin	Bromhexin HCl	Viên	8,10,16g	Giúp long đàm, trị viêm khí, phế quản, các tình trạng viêm mãn ở phổi, khò khè, ho	HCM-X27-25
20	Invet - Ery C	Erythromycin thiocyanate, Colistin sulfate,Vit B_1, B_2, C	Gói	5, 10, 20, 50, 100g, 200, 250, 500g, 1kg	Chủ trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	HCM-X27-47
21	Dynatyl	Tiamulin hydrogen fumarate, Tylosin tartrate	Lọ	0,5; 1; 5; 10; 20; 50; 100g	Trị hồng lỵ, tiêu chảy cho heo, trâu, bò	HCM-X27-43
22	Tylo - SC	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Lọ, chai	0,5; 1; 5g 10; 20; 50; 100g	Trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng cho heo con	HCM-X27-44
23	Penstrep	Penicillin G, Streptomycin sulfate	Lọ, chai	0,5; 1; 5g 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, viêm phế quản, khí quản, tiêu chảy, viêm đường sinh dục, tiết niệu, tụ huyết trùng, thương hàn	HCM-X27-45
24	Kampi	Kanamycin sulfate, Ampicillin trihydrate	Lọ, chai	0,5; 1; 5g 10; 20; 50; 100g	Trị tiêu chảy phân trắng, viêm phổi, viêm đường sinh dục, thương hàn, THT	HCM-X27-46

58. Công ty TNHH Kiến Vương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	KV- Vitamin C10	Ascorbic acid, acid citric	Gói, hộp	100g; 1; 5kg	Chống stress, tăng sức đề kháng trên bò, cừu, heo, dê, gia cầm	HCM-X28-3
2	KV- Anagin-C	Analgin, Vitamin C	Gói, hộp	10; 25; 50; 100; 150; 500g	Giảm đau, hạ sốt, tăng cường sức đề kháng	HCM-X28-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	KV-Para-C	Paracetamol, Vitamin C	Gói, hộp	10; 25; 50; 100; 150; 500g	Giảm đau, hạ sốt, tăng cường sức đề kháng	HCM-X28-5

59. Công ty TNHH NOBEN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tylo 400-crd	Tylosin (tartrate)	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh CRD trên gia cầm, bệnh viêm phổi, bệnh lỵ trên heo	HCM-X29-1
2	Colistin 200	Colistin (sulfate)	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh nhiễm trùng dạ dày, ruột trên gia súc, gia cầm	HCM-X29-2
3	Fluvit-500	Flumequine	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh dạ dày - ruột, đường hô hấp gây ra ở gia súc, gia cầm	HCM-X29-3
4	Linco 200	Lincomycin	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm vú, viêm phổi, bệnh dấu son, bệnh lỵ viêm khớp, viêm da có mủ, tiêu chảy	HCM-X29-4
5	Noceral	Norfloxacine; Ascorbic acid	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp, đường sinh dục	HCM-X29-5

60. Công ty TNHH Tân Huy Hoàng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hi-TYCO	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị CRD, CCRD, E.Coli, thương hàn	HCM-X30-1
2	Hi-Tetraty	Tetracycline, Tylosine tartrate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5kg	Trị nhiễm khuẩn ở phổi trên trâu, bò, heo	HCM-X30-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Hi-AMPICO	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột ở gia súc, gia cầm	HCM-X30-3
4	Hi-Doxy	Doxycycline	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X30-4
5	Hi-Levamysol 7,5%	Levamysol	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1kg	Trị giun đũa, giun thận, giun phổi, giun lươn, giun mắt	HCM-X30-5

61. Công ty TNHH sản xuất thương mại TOBA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	ST-colis	Colistin sulfate	Bao; gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, thỏ và gia cầm	HCM-X31-1
2	ST-Nor	Norfloxacin	Bao; gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do Mycoplasma, E.coli, Pasteurella gây ra trên bê và gia cầm	HCM-X31-3
3	ST-Anagi	Dipyrone; vitamin C	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Hạ sốt, giảm đau nhanh chóng trong các bệnh nhiễm trùng cấp, chống mất nước, điện giải ở gia súc, gia cầm	HCM-X31-4
4	ST-Flomen	Florphenicol	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà	HCM-X31-5
5	ST-Fluta	Flumequine	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột và hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequine gây ra trên trâu bò, bê nghé, dê cừu, lợn và gia cầm	HCM-X31-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
6	ST- Linco	Lincomycin HCl	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm vú, viêm phổi, bệnh dấu son, bệnh lỵ viêm khớp,viêm da có mủ, tiêu chảy	HCM-X31-7
7	ST-Amcovi	Ampicillin; Colistin, Vitamin A, B_1, B_6, C	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm xoang mũi, viêm móng, viêm khớp, viêm rốn và nhiễm trùng máu ở gia súc, gia cầm	HCM-X31-9
8	ST-Ivere	Ivermectin	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh nội - ngoại ký sinh trùng trên heo	HCM-X31-10
9	ST-Tylo	Tylosin tartrate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g ; 1; 2; 5kg	Trị bệnh CRD ở gia cầm và trị bệnh viêm phổi, bệnh lỵ trên bê và lợn	HCM-X31-11
10	ST-Genta	Gentamycin sulfate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin gây ra ở gia súc, gia cầm	HCM-X31-12
11	ST-ATylo	Amoxycilline, Tylosin	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng tiêu hóa, nhiễm trùng tiết niệu, sinh dục trên heo, gia cầm	HCM-X31-13
12	ST-Lorop	Sulfachloropyrazine, Diaveridine, Vitamin A	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị cầu trùng, thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng đường ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X31-14
13	ST-Aspirin	Acetyl salicilic	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước và mất chất điện giải	HCM-X31-15
14	ST-Neco	Neomycin sulfate Colistin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistin	HCM-X31-16
15	ST-Oxyty	Oxytetracycline, Tylosin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	HCM-X31-17
16	Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin C, tăng cường sức đề kháng	HCM-X31-18

62. Công ty TNHH UV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Linspec	Spectinomycin sulfate Lincomycin hydrochloride	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột trên heo. Trị CRD trên gia cầm	HCM-X32-1
2	Decoci	Sulfachlozine sodium salt	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gà	HCM-X32-2
3	Iverich	Ivermectin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng trên heo	HCM-X32-3
4	A-C	Amoxycillin trihydrate Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột, viêm phổi - màng phổi, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, ngựa con, heo, cừu, dê, gia cầm	HCM-X32-4
5	Amoxin-20	Amoxycillin trihydrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy do E.coli, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X32-5
6	F1	Amoxycillin trihydrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X32-6
7	Ampicoli-UV	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-7
8	Bromox	Amoxycillin trihydrate, Bromhexine hydrochloride	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm đường hô hấp, tụ huyết trùng, tiêu chảy, thương hàn, hồng lỵ, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò dê, cừu, lợn, chó, mèo	HCM-X32-8
9	Colis-100	Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm gây ra như Salmonella, E.coli	HCM-X32-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
10	Colis-500	Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy, viêm dạ dày ruột trên bê, cừu, thỏ, gia cầm	HCM-X32-10
11	Rydoxyne	Doxycycline hyclate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm khớp, viêm phế quản phổi, sảy thai truyền nhiễm, viêm tử cung, hội chứng MMA, viêm dạ dày ruột trên heo. Trị hô hấp, viêm khớp, tụ huyết trùng trên gia cầm.	HCM-X32-11
12	Enro-B	Enrofloxacin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị lỵ, E. coli, Mycoplasma, thương hàn, viêm phổi trên gà	HCM-X32-12
13	Thidoxin	Gentamycin sulfat Doxycycline hyclate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X32-13
14	Sultrim 480	Trimethoprim Sulphadiazine natri	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, ruột, tiết niệu, da trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X32-14
15	FH-Guard	Doxycycline hyclate Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-15
16	Tylosol	Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm khớp trên gia cầm	HCM-X32-16
17	Tysuzine	Tylosin Sulfamethazine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, hồng lỵ, u loét ruột trên heo, gia cầm	HCM-X32-17
18	Myco-550	Spiramycin Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, cừu non, dê con, heo, gia cầm, thỏ	HCM-X32-18
19	Flor-UV	Florfenicol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	HCM-X32-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
20	Wheezing	Josamycin Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính (CRD), viêm khớp trên gia cầm	HCM-X32-20
21	Gentasin	Gentamicin sulfate Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X32-21
22	Jentel	Levamisole HCl	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị giun trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X32-22
23	Tetrain	Tetracycline, Tylosine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh ở phổi trên trâu, bò, heo	HCM-X32-23
24	Thidomethy	Colistin sulfate Oxytetracyclin (HCl)	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X32-24
25	Tyco	Tylosin tartrate Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-25

63. Công ty TNHH thuốc thú y - thủy sản Hương Hoàng Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Cảm cúm gia súc	Oxytetracyclin, Analgin, Vitamin C	Túi Hộp	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, hạ nhiệt, giảm đau, tăng cường sức đề kháng cho gia súc	HHN-2
2	Toi - Thương hàn	Sulfamethoxazol, Vitamin B_6, B_1, Riboflavine, Trimethoprim, Nicotinamid, Calsium pathothenate	Túi Hộp	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Đặc trị bệnh toi, thương hàn và đường ruột cho gia cầm	HHN-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Đặc trị tiêu chảy	Colistin sulfate, Berberin, Vitamin A, D_3, E	Túi Hộp	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng, trị viêm dạ dày - ruột, tiêu chảy do E.coli, viêm đường hô hấp cho gà, vịt, heo	HHN - 4
4	Terra trứng	Oxytetracycline, Vit A, D_3, E, PP, B_6, B_2, B_1, B_{12}, Biotine	Túi Hộp	5,10, 50, 100, 200g 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	HHN - 6
5	Khẹt mũi vịt	Tiamulin, Erythromycin	Túi Hộp	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm khí quản, viêm xoang, thương hàn, THT	HHN - 7
6	Ampicotrime	Ampicillin, Paracetamol	Túi Hộp	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm khớp, viêm tử cung, viêm phổi, CRD, viêm ruột, tiêu chảy	HHN - 8
7	Tiamulin complex	Tiamulin, Vit A, D_3	Túi Hộp	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày - ruột, tiêu chảy, phân trắng, thương hàn CRD ở gia súc, gia cầm	HHN - 9
8	Kháng sinh tổng hợp	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Túi Hộp	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị thương hàn, viêm ruột, viêm đường tiêu hóa, tiêu chảy	HHN - 10
9	Streptomycin - 1T	Streptomycin sulfat	Lọ	10, 50, 100, 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi, viêm niệu sinh dục, THT cho gia súc, gia cầm	HHN - 11
10	Penicillin - 4 T	Penicillin G Procaine, Penicillin G Sodium	Lọ	10, 50, 100, 250ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(+) gây nhiễm trùng vết thương, viêm lở da, nhiễm trùng sau phẫu thuật, viêm khớp	HHN - 12
11	E.coli	Ampicilin trihydrate, sulfamethoxazone	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm khuẩn máu, sinh dục, tiết niệu trên bê, nghé, dê cừu non, ngựa non, lợn, gia cầm	HHN - 13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
12	Leva-20%	Levamisol	Gói, hộp, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Xổ giun trên gia súc, gia cầm	HHN-14
13	CRD	Doxycyclin hyclat, Tiamulin fumarat acid	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin, Tiamulin gây ra trên lợn, gà	HHN-15
14	Sulxalin-Plus	Sulfadimidin, Sulfaquinoxalin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh cầu trùng ruột non và manh tràng trên gia cầm	HHN-16
15	Cầu trùng - Stop	Sulfachlorpyridazin, Vitamin K_3	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh cầu trùng, phân trắng, phân máu, ỉa ra máu tươi trên gia cầm, thỏ	HHN-17
16	Sun-Tylodox	Doxycycline, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-19
17	Sun-Neosol	Neomycin, Oxytetracyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Oxytetracycline gây ra trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HHN-20
18	Sun-Coliforte	Trimethoprime, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê non, cừu con, lợn, gia cầm	HHN-21
19	Sun-Norcin 2000	Norfloxacin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	HHN-22
20	Sun-Spio	Spiramycin Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, lợn, thỏ, gia cầm	HHN-23
21	Sun-Coliery	Erythromycin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	HHN-24
22	Sun-Linspec	Spectinomycin, Lincomycin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên lợn, gia cầm	HHN-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
23	Sun-Colimox	Amoxycilline, Colistin sulfate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị các bệnh nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp, đường tiểu trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HHN-26
24	Sun-Neocoli	Neomycin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm móng, viêm khớp; viêm vú, viêm tử cung trên lợn, bê, nghé, dê, cừu, thỏ, gia cầm	HHN-27
25	Sun-Colidox	Doxycyline, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-28
26	Sun-Enro 2000	Enrofloxacin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	HHN-29
27	Sun Amox 10	Amoxycilline	Túi, lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng huyết, thương hàn trên trâu, bò, heo, gia cầm	HHN-31
28	Sun Gentadoxy	Gentamycine Doxycycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn và gia cầm	HHN-32
29	Sun Oxytylo	Oxytetracycline, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn, gia cầm	HHN-33
30	Sun Flu 10	Flumequine	Túi, lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp và tiết niệu trên bê, nghé, gia cầm	HHN-34
31	Sun Iver 6	Ivermectin	Túi, lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo	HHN-35
32	Sun Tylosin 20	Tylosin tartrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, viêm vú, viêm khớp, đau móng, nhiễm trùng vết thương trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
33	Sun Doxy 20	Doxycycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp trên trâu bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	HHN-42
34	Sun-Brom 10%	Brohexime	Gói, lọ	10; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2kg	Tan đờm, dịu ho trên bê, cừu non, dê, ngựa non, heo, chó, mèo, gia cầm	HHN-57
35	Sun-Marbo	Florfenicol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	HHN-62
36	Sun-stop-Khuẩn phổi	Tetracycline, Tylosin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh ở phổi do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracycline, Tylosin gây ra trên trâu, bò	HHN-63
37	Sun- Ampi-colis	Ampicillin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phổi, viêm phế quản trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	HHN-64
38	HCV-Amstrong-S	Ampicilline, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị thương hàn do Salmonella, tiêu chảy, viêm ruột do E.coli, viêm phổi do Pasteurella,… trên trâu, bò, heo; Trị bệnh hô hấp do Mycoplasma, Heamophilus, tiêu chảy do E.coli, Salmonella trên gia cầm	HHN-71
39	HCV-Octamic-A.C	Amoxycilline, Colistin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hóa do Salmonella và E.coli, niệu sinh dục trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	HHN-72
40	HCV-Tylandox	Doxycycline, Tylosine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycycline trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
41	HCV-Trym-S	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn E.coli, Coryza, hô hấp mãn tính (CRD), tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	HHN-74
42	HCV-Doxycol	Doxycyline, Colistin sufate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị hô hấp mãn tính (CRD), tiêu chảy (Colibacillosis) trên gia cầm	HHN-75
43	HCV-Ampicoli	Ampicilline, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà	HHN-76
44	HCV-Coliflum	Trimethoprime, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê non, cừu con, lợn, gia cầm	HHN-77
45	HCV-Amox 20	Amoxycilline	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HHN-78
46	HCV- Gentadox	Doxycycline, Gentamycine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, CRD, E.coli, Salmonellosis, viêm da trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-79
47	HCV-Oxibendazol-HHN	Oxibendazol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị giun dạ dày, giun đũa , giun kim, giun kết hạt, giun tóc trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, gia cầm	HHN-80
48	HCV-Anticoci	Sulfachlozine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gà	HHN-81
49	HCV- Nấm phổi - HHN	Nystatin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị tưa lưỡi, viêm họng, bệnh nấm Canida ở ruột, nhiễm nấm ở đường âm đạo trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	HHN-82
50	HCV- Anticoc	Sulphaquinoxalin, Diaveridin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	HHN-83

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
51	HCV-Doxy 300	Doxycyclin hyclate, Bromhexine HCl	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	HHN-84
52	HCV-Albendazol-HHN	Albendazol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị giun tròn, sán dây, sán lá trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, gà	HHN-85
53	HCV-Doxytilo	Doxycycline, Tylosine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-86
54	HCV-Doxyneo	Doxycycline, Neomycin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HHN-87
55	HCV-Doxycol WS	Doxycyline, Colistin sufate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-88
56	HCV-Amstrong-S	Ampicilline, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị thương hàn do Salmonella, tiêu chảy, viêm ruột do E.coli, viêm phổi do Pasteurella,… trên trâu, bò, heo; Trị bệnh hô hấp do Mycoplasma, Heamophilus, tiêu chảy do E.coli, Salmonella trên gia cầm	HHN-71

64. Công ty cổ phần CTCBIO Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Fencol 100S	Florfenicol	Gói, bao	100; 500g; 1; 3; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp gây ra bởi Actinobacillus pleuropneumoniae	CTC-16

TỈNH BÌNH DƯƠNG

65. Công ty liên doanh TNHH Anova

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Nova-Ampicol	Ampicilline, Colistin	Gói, túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị bạch lỵ, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy do E.coli, Salmonella, Clostridium gây ra	LD-AB-1
2	Nova-Bactrim 48%	Sulfadiazine, Trimethoprime	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Điều trị các bệnh đường ruột, hô hấp, sinh dục trên gia súc, gia cầm gây ra do vi trùng	LD-AB-3
3	Nova-CRD Stop	Erythromycine, Sulfamethoxazole	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Phòng ngừa và điều trị CRD, CRD kết hợp E.coli, nhiễm trùng E.coli đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm khớp	LD-AB-4
4	Nova Coc	Diaveridine, Sufadimidine, Vitamin A	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Phòng ngừa và điều trị bệnh cầu trùng ở gà, heo con, thỏ, bê, nghé	LD-AB-5
5	Nova Clozin	Sulfaclozine, Vitamin A	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị bệnh cầu trùng, tiêu chảy trên gà, heo do nhiễm ghép cầu trùng với Salmonella	LD-AB-6
6	Nova-Coci Stop	Sulfaquinoxaline, Diaveridine, Vitamin A	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị bệnh cầu trùng trên gia cầm, heo, thỏ, bê, nghé, bệnh cầu trùng kết hợp với viêm ruột do các loại vi trùng khác	LD-AB-7
7	Nova-Doxine	Doxycycline, Bromhexine	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị Mycoplasma, Lepto và các vi trùng Gram(-), Gram(+)	LD-AB-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
8	Nova Levasol	Levamisol	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Thuốc tẩy các loại giun tròn trên gia súc, gia cầm	LD-AB-11
9	Nova-Metogen	Gentamycin, Trimethoprime	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị tiêu chảy phân trắng; phân vàng; phân xanh hoặc phân có máu trên gia cầm, heo, bê nghé	LD-AB-12
10	Nova-Mycoplasma	Kitasamycin Amoxicilline	Gói Túi; hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị bệnh do Mycoplasma kết hợp với các loại vi trùng khác	LD-AB-13
11	Nova Sulmix	Sulfachloropyridazine, Trimethoprime	Gói Túi; hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia súc, gia cầm như: viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, bạch ly, sưng phù đầu	LD-AB-14
12	Nova-Trimedox	Trimethoprime, Doxycycline	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	LD-AB-15
13	Nova-Trimoxin	Amoxicilline, Trimethoprime	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Thuốc trị tụ huyết trùng, viêm phổi trên gia súc, gia cầm	LD-AB-16
14	Nova Linco-S	Lincomycin, Spectinomycine	Gói Túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm khớp, viêm ruột trên gia súc, gia cầm do vi trùng gây ra	LD-AB-17
15	Nova Lactic	Acid Lactic, Tartric, Malic, Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_{12}, Orthophosphoric, Acid Citricpyridoxine	Gói Túi Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường ruột, rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy. Tăng tỷ lệ tiêu hóa. Tăng trọng nhanh, tăng khả năng sinh sản, đẻ trứng	LD-AB-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
16	Nova-C Plus	Vitamin C, Potassium chloride, sodium chloride	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg, 5kg 10kg; 25kg	Tăng sức kháng bệnh và chống xuất huyết. Chống stress khi trời nắng nóng hoặc lúc tiêm phòng, chuyển chuồng	LD-AB-34
17	Nova-C Complex	Vitamin A, C, B_1 và D_3, Sodium chloride, Potassium chloride	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 10kg; 25kg	Tăng sức kháng bệnh trong quá trình nuôi. Chống stress do tiêm phòng, vận chuyển hoặc do thời tiết thay đổi	LD-AB-35
18	Nova- Stress	Vit A, D_3, E, K_3, C, B_1, B_2, B_6, B_{12}, nicotinic acid, calcium, pantothenate, lysine, potassium chloride, methionine	Gói Túi Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg, 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Nâng cao sức kháng bệnh, chống stress. Giúp gia súc, gia cầm giữ vững năng suất cao ngay trong điều kiện bị stress	LD-AB-37
19	Nova-Vitonic	Vitamin A, D, E, K_3, C, vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, pantothenic acid, nicotinic acid, methionine	Gói Túi Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg 5kg 10kg; 25kg	Tăng sức kháng bệnh, chống stress lúc gia súc, gia cầm bị stress do tiêm phòng, thay đổi thời tiết, chuyển chuồng, cắt mỏ…	LD-AB-38
20	Nova ACB. Complex	Dipyrone, Vitamin C, Vitamin B_1, Vitamin B_6, Vitamin B_{12}	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml ; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Hạ sốt, kết hợp chống xuất huyết và nâng cao sức khỏe trong các bệnh nhiễm trùng cấp tính	LD-AB-42
21	Nova B.Complex	Thiamin, Pyridoxine, Riboflavin, Choline chloride, Niacinamide, Cyanocobalamin, D-Panthenol, ATP	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trợ sức tăng lực, giúp mau hồi phục khi mắc bệnh. Tăng cường trao đổi chất, tăng khả năng sinh sản, sức kháng bệnh	LD-AB-43

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
22	Nova-Calcium + B_{12}	Ca. borogluconate, Magnesium chloride, Vit B_{12}	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do thiếu Calcium và Magnesium như: còi xương, chậm lớn, sốt sữa, bại liệt, co giật, xuất huyết, phù	LD-AB-44
23	Nova Fe + B_{12}	Iron, Vitamin B_{12}	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít	Phòng ngừa và điều trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, thiếu máu do mất máu hoặc thiếu máu do nhiễm ký sinh trùng	LD-AB-45
24	Nova Fer 100	Iron	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Phòng ngừa và điều trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở heo con, bê, nghé, dê, cừu	LD-AB-46
25	Nova-ADE	Vitamin A, Vitamin D_3, Vitamin E	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin A, D, E. Nâng cao sức đề kháng	LD-AB-47
26	Nova-ATP Complex	Adenosin triphosphate (ATP), Sodium selenite, Vit B_{12}, B_1	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít	Suy nhược do mắc bệnh, hoặc do thiếu dinh dưỡng. Yếu cơ, đứng không vững. Bại liệt không đứng được	LD-AB-48
27	Nova-Ana C	Dipyrone, Vitamin C	Ống, chai, lọ	2; 5; 10ml; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Hạ sốt nhanh và hiệu quả kéo dài trong các bệnh nhiễm trùng cấp tính	LD-AB-49
28	Nova-Bromhexine Plus	Bromhexine, Dipyrone, Dexa	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300ml	Chống viêm, hạ sốt kết hợp với long đờm, giảm ho, giãn phế quản	LD-AB-50
29	Nova-C.VIT	Vitamin C	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị suy nhược, sốt cao, xuất huyết, tăng chức năng giải độc, tăng sức kháng bệnh lúc thú bị stress	LD-AB-51

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
30	Nova-D.O.T	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị thương hàn, THT, dấu son, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy, đau móng, sưng phù đầu	LD-AB-52
31	Nova-Enrocin 10%	Enrofloxacin	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân có máu, viêm phổi cấp hoặc mãn tính, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu	LD-AB-53
32	Nova-Gentasone 10%	Gentamycin, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, hô hấp như: viêm phổi, viêm màng phổi, viêm đa khớp, viêm tử cung, viêm vú	LD-AB-54
33	Nova Leva	Levamisol	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Tẩy các loại giun đũa, giun phổi, giun thận, giun chỉ, giun tóc, giun xoăn dạ múi khế, giun kết hạt, giun phổi	LD-AB-55
34	Nova Mectin 0,25%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Phòng và điều trị ghẻ, các loại giun tròn như giun đũa, giun thận, giun tim	LD-AB-56
35	Nova Mectin 1%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Phòng và điều trị ghẻ, các loại giun tròn như giun đũa, giun thận, giun tim	LD-AB-57
36	Nova-Norcine	Norfloxacin, Bromhexine	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm màng phổi, tụ huyết trùng, viêm tử cung, viêm khớp, đau móng, viêm ruột tiêu chảy, CRD	LD-AB-58

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
37	Nova-Ticogen	Tylosin, Gentamycin, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân có máu, tụ huyết trùng, nhiễm trùng vết thương, viêm khớp, đau móng, CRD, CRD kết hợp E.coli, THT, thương hàn	LD-AB-59
38	Nova Tylo-D 10%	Tylosin, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm khớp, đau móng, viêm tử cung, viêm vú, nhiễm trùng vết thương, viêm da có mủ, viêm phổi do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm	LD-AB-60
39	Nova-Tylospec	Tylosin, Spectinomycin, Prednisolone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, CRD, CRD kết hợp E.coli, sưng phù đầu, viêm xoang mũi	LD-AB-61
40	Novasone	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Prednisolone, Bromhexine, Lindocai	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị thương hàn, sốt bỏ ăn THT dấu son, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy, đau móng, sưng phù đầu, viêm vú, viêm tử cung,…	LD-AB-62
41	Nova-Para C	Paracetamol, Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10; 25kg	Hạ sốt, chống mất nước và chất điện giải lúc gia súc, gia cầm sốt cao trong các bệnh nhiễm trùng hoặc lúc trời nắng nóng	LD-AB-63

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
42	Nova-Paraxin	Paracetamol, Potassium chloride, Sodium chloride, Betaine, Bromhexine	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10; 25kg	Hạ sốt, chống mất nước, cân bằng chất điện giải trong tế bào và trong máu; chống stress nhiệt lúc trời nắng nóng	LD-AB-64
43	Nova-Electrovit	Vitamin E, Biotin, Inositol, Sodium bicarbonate, Betaine, Gluconate calcium	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Tăng cường sức đề kháng, chống stress; Chống mất nước, cân bằng chất điện giải trong trường hợp mất nước do sốt cao, tiêu chảy	LD-AB-66
44	Nova E-Selen	Vitamin E, Selenium	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Chống bệnh teo cơ, yếu cơ gây bại liệt ở thú sinh sản	LD-AB-67
45	Nova-Biotine	Biotin, VitA, D_3, E, Zinc	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Tăng cường sức đề kháng, tăng khả năng miễn dịch	LD-AB-68
46	Nova-Growth	Beta - glucan, Zinc oxide, Biotin, Vitamin A, D_3, Vit nhóm B	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Tăng cường sức đề kháng, tăng khả năng miễn dịch	LD-AB-69
47	Nova-Hepavit	Sorbitol, Vitamin B_{12}, Methionine, Betaine	Chai Lọ, can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4 lít 10ml; 20ml; 1 lít, 4 lít, 20 lít	Bổ gan, lợi mật, giúp ăn ngon miệng	LD-AB-75
48	Nova Enro 10%	Enrofloxacin	Chai Lọ Can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4 lít 10ml; 20ml 1 lít, 4 lít, 20 lít	Đặc trị CRD ghép với E.coli, sưng phù đầu do E.coli hoặc Mycoplasma, viêm ruột tiêu chảy, viêm rốn	LD-AB-76

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
49	Novazuril	Toltrazuril	Chai Lọ, can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4 lít 10ml; 20ml; 1 lít, 4 lít, 20 lít	Phòng và trị cầu trùng trên gà và thỏ	LD-AB-77
50	Nova Flox 20%	Norfloxacin	Chai Lọ Can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4 lít 10ml; 20ml 1 lít, 4 lít, 20 lít	Trị CRD, C-CRD, THT, nhiễm trùng máu, thương hàn, bạch lỵ; viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi	LD-AB-78
51	Nova-Tetra LA	Oxytetracycline	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, đau móng, nhiễm trùng vết thương, viêm da trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	LD-AB-79
52	Nova-Aminovita	Cystine, Isoleucine, Leucin, Lysine, Methionine, Phenylalanin, Threonine, Trytophan, Valin, D- Pantothenol, Nicotinamide, Pyridoxine, Riboflavin, Thiamin, Calci chloride, Magne Chloride, Potassium chloride	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Bồi dưỡng, tăng lực, giúp mau hồi phục khi mắc bệnh hoặc bị Stress. Chống suy nhược, đặc biệt hiệu quả trên thú bị còi cọc, mất sức do làm việc nặng nhọc, lúc sinh đẻ, hoặc do mắc bệnh nặng	LD-AB-81
53	Novasal	1-(n butylamino)-1 methylethyl phosphorous acid, Vitamin B_{12}, Methyl hydroxybenzoate	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Kích thích tiết sữa trên heo nái, bò sữa, dê cừu. Tăng tỷ lệ đẻ trứng trên gà, vịt đẻ. Chống bại liệt, suy nhược, còi cọc do mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng	LD-AB-82

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
54	Nova-Flor	Florphenicol, Dexamethasone, Bromhexine	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Điều trị viêm phổi, THT, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, heo	LD-AB-83
55	Nova-Fe+ B.Complex	Iron, Vitamin B_1, B_6, B_{12}	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, mất máu hoặc do ký sinh trùng ở heo con, bê, nghé, dê, cừu	LD-AB-84
56	Nova- ADE Vita	Vitamin A, D_3, E	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin A, D, E. Nâng cao sức đề kháng bệnh, sức tăng trưởng và khả năng sinh sản	LD-AB-85
57	Novalinco-spectin	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl, Propylene glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Heo, trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo: Trị hồng lỵ, tiêu ra máu, phân trắng, phân vàng, viêm phổi, THT. Gia cầm: Điều trị CRD, C- CRD, viêm khớp, viêm ruột tiêu chảy	LD-AB-86
58	Kanacin 10%	Kanamycine, Propylene glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị THT, viêm phổi, màng phổi, viêm khớp, đau móng, viêm tử cung, viêm vú	LD-AB-87
59	Nova-Polivit	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, B_{12}, PP, glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Tăng sức kháng bệnh lúc gia súc đang mắc bệnh hoặc bị Stress. Giúp mau hồi phục sau khi mắc bệnh	LD-AB-88

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
60	Nova-AC Xanh	Prednisolone, Dipyrone, Vit C, Propylene glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Chống viêm kết hợp với hạ sốt trong các bệnh nhiễm trùng cấp, các trường hợp sốt cao không rõ nguyên nhân	LD-AB-89
61	Nova-Para+C	Paracetamol, Vit C	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Hạ sốt, kháng viêm trong các bệnh nhiễm trùng gây sốt cao, giảm đau	LD-AB-91
62	Nova-Tylosin 20%	Tylosin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị các nhiễm trùng do Mycoplasma và vi khuẩn Gram(+) nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng sau phẫu thuật	LD-AB-92
63	Tialin 10%	Tiamuline hydrogen fumarate, Dexamethasone,	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm phổi,THT, viêm màng phổi, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, tiêu ra máu trên heo sau cai sữa	LD-AB-93
64	Novasal Complex	ATP, Vitamin B_1, B_6, 1-(Cyanocobalamin, n- Butylamino)1-methyletylphosphonous acid	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Tăng cường đề kháng trong các trường hợp kiệt sức, do làm việc quá mức hay thời tiết thay đổi, suy nhược do mắc bệnh, chậm lớn, còi cọc, chậm lên giống, không đậu thai, đẻ non, sảy thai	LD-AB-94
65	Nova-Erycol	Erythromycin, Colistin, Dexamethasone	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin và Colistin cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-95

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
66	Nova-Doxycol	Doxycycline, Colistin, Dexa	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline và Colistin cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-96
67	Nova-Enrocol	Enrofloxacin	Chai, lọ, can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Đặc trị tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân vàng trên heo con, chó, mèo, dê, cừu con, bê, nghé	LD-AB-97
68	Nova-Coligen	Colistin, Gentamycin, Prednisolone	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Điều trị thương hàn, tiêu chảy phân xanh, phù đầu, viêm phổi, THT, trên trâu, bò, heo, gia cầm	LD-AB-98
69	Nova-Tiasone	Tiamulin, Dexa, Oxytetracycline, Bromhexine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp trên heo, gà, vịt, cút	LD-AB-99
70	Nova-Thiasul	Thiamphenicol, Sulfadimethoxine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị TH, bạch lỵ, viêm phổi, viêm khớp, THT trên gia cầm; viêm phổi, tiêu chảy, sưng phù đầu trên heo, bê, nghé	LD-AB-100
71	Nova-Tylosone	Thiamphenicol, Tylosine, Prednisolone, Bromhexine	Ống, Lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol và Tylosine cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	LD-AB-101
72	Nitronil	Nitroxinil, Propylene glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Tẩy sán lá gan, giun xoăn, giun móc, giun kết hạt trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa	LD-AB-103
73	Nova-Tylomix	Tylosin, Bromhexine Sulfadimidine,	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, gà, vịt, cút	LD-AB-104

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
74	Nova-Lincodox	Doxycycline, Lincomycine, Bromhexine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, gà, vịt, cút	LD-AB-105
75	Nova-Spiracol	Spiramycin, Colistin, Bromhexine	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, THT, nhiễm trùng vết thương trên heo, bê, nghé, dê, cừu non	LD-AB-108
76	Nova-Fer + Tylogen	Iron, Gentamycin, Tylosin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Điều trị thiếu máu do thiếu sắt kết hợp với tiêu chảy hoặc viêm phổi trên heo	LD-AB-109
77	Nova- CRD	Tylosin, Dexa; Trimethoprim, Bromhexine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 300; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Điều trị bệnh đường hô hấp trên heo, trâu, bò, dê, cừu, gia cầm	LD-AB-110
78	Nova- Anti CRD	Tylosin, Amoxicillin, Bromhexine, Paracetamol, Dexa	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 300; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Trị bệnh CRD, CRD ghép E.coli, viêm xoang mũi, sưng phù đầu, viêm khớp, tụ huyết trùng, viêm ruột trên gia cầm	LD-AB-111
79	Nova-Gentabactrim	Gentamycin, Sulfadimidine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, bạch lỵ trên gia súc, gia cầm	LD-AB-112
80	Nova-Tylogen	Tylosin, Gentamycin, P. chloride, S. chloride	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường ruột trên gia súc, gia cầm	LD-AB-113
81	Nova- Cocci	Sulfachloropyridazine, Diaveridine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Phòng và trị các bệnh cầu trùng trên gà, thỏ, heo con, bê, nghé	LD-AB-114

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
82	Nova-Spirasul	Spiramycine, Sulfadimidine, Bromhexine,	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	LD-AB-115
83	Nova-Ampisul	Ampicilline, Sulfachloropyridazine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên heo, gà, vịt, cút	LD-AB-116
84	Nova-Quinococ	Pyrimethamine, Sulfaquinoxaline, Vitamin K_3	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Phòng và trị các bệnh cầu trùng trên gà, thỏ, heo con, bê, nghé	LD-AB-117
85	Nova-Trimecol	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị các bệnh viêm ruột trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt, cút	LD-AB-118
86	Nova-Kanacol	Kanamycin, Colistin, Desamethasone	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm phổi cấp tính, viêm mắt, viêm khớp, đau móng, viêm ruột, thương hàn, viêm tử cung trên gia súc	LD-AB-119
87	Nova-Septryl 24%	Sulfamethoxypyri-dazine, Trimethoprim	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, viêm khớp, móng trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, heo, chó mèo, gia cầm	LD-AB-126
88	Nova-Fe+ B_{12} 20%	Sắt (Dextran complex), Vit B_{12}	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con	LD-AB-127
89	Nova-Amdecol	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị sưng phù đầu, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, THT, thương hàn, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-128

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
90	Nova Pen-Strep	Penicillin G Procain, Streptomycin sulfate	Lọ	1,65g	Trị THT, viêm phổi, viêm tử cung, khớp, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-129
91	Nova-Penicillin	Penicillin G Procain, Penicillin G sodium	Lọ	3,7g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn gr(+) gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	LD-AB-130
92	Nova-Ampi	Ampicillin sodium	Lọ	1g	Trị viêm phổi, viêm vú, tử cung, viêm ruột tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-AB-131
93	Nova-Genmox	Gentamycin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Lọ	0,75g	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-AB-132
94	Nova-Marlox 25	Marbofloxacin	Ống, lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-133
95	Nova-Anazine 20%	Dipyrone	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Hạ sốt, giảm đau, an thần trên trâu, bò, heo, dê, cừu	LD-AB-135
96	Nova-Dexa 20	Dexamethasone	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml	Kháng viêm	LD-AB-136

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
97	Nova-Atropin	Atropin sulfate	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị đau bụng do co thắt ruột, khó thở do phế quản co thắt, trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	LD-AB-137
98	ADE-B.Complex inj	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinamid	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin, tăng cường sức đề kháng trên trên trâu, bò, heo, chó, mèo	LD-AB-138
99	Nova-Doxyl 10%	Doxycycline	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, nhiễm trùng vết thương, trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-139
100	Nova-Gentylo	Gentamycin, Tylosin	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, THT, viêm khớp, móng, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-140
101	Nova-Hepa+ B_{12}	Sorbitol, Methionine, Vitamin B_{12}, B_6, B_2	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Tăng khả năng tiết mật, tăng cường chức năng giải độc gan trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	LD-AB-141
102	Nova-B. Complex C	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, Nicotinamid, Dexpanthenol	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B và C, tăng cường sức đề kháng trên trâu, bò, heo, gia cầm	LD-AB-142
103	Nova-Colispec	Colistin sulfate, Spectinomycine	Chai	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy, phân vàng, phân trắng, phân xanh, phân có máu trên heo con	LD-AB-143

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
104	Nova-Coc 5%	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên heo con	LD-AB-144
105	Nova-Colistop	Colistin, Gentamycin	Chai, lọ, can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng, trên heo con, bê, nghé, dê con, cừu con	LD-AB-145
106	Nova-Gentasul	Gentamycin, Sulfamethoxazol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm ruột tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân vàng, phân có máu trên heo con, bê, nghé, dê con, cừu con	LD-AB-146
107	Nova-$B_1 + B_6 + B_{12}$	Vitamin B_1, B_6, B_{12}	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị kém ăn, còi cọc, suy nhược cơ thể. Tăng sức đề kháng trong trường hợp stress hoặc mắc các bệnh nhiễm trùng	LD-AB-147
108	Nova-Peni Strepto	Penicillin G Procain, Dihydro streptomycin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, THT, Lepto, viêm tử cung, móng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-149
109	Nova-Vitamino Oral	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Folic acid, Nicotinamide, D- panthenol, Methionin, Tryptophan, Cysteine, Threonine, Isoleucine, Pheny-lalanine, Valine, Lysine, Leucine	Chai, lọ, can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 5l	Nâng cao đề kháng, giúp mau hồi phục sau khi mắc bệnh. Chống còi cọc, suy nhược. Tăng khả năng sinh sản	LD-AB-150

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
110	Nova-Enrofloxacin 50	Enrofloxacin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị THT, TH viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo, gà, vịt	LD-AB-151
111	Nova Coli.Coli	Colistin Trimethoprim	Gói, túi, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng do vi VK nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim trên bê, nghé, heo, dê non, cừu non, gia cầm, thỏ	LD-AB-152
112	Nova Ampi.col	Ampicillin, Colistin	Gói, túi, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gia cầm	LD-AB-153
113	Nova-coc 2,5%	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên gia cầm	LD-AB-154
114	Nova-Doxy 300WSP	Doxycycline	Gói, túi, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-AB-155
115	Nova-Amox LA	Amoxicillin trihydrate	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu, viêm da, viêm mô mềm trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo	LD-AB-156
116	Nova-Flor 10%	Florfenicol	Chai, can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên gia cầm	LD-AB-157
117	Nova-Genta.Amox	Gentamycine, Amoxicillin	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm ruột do vi khuẩn, viêm vú trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo	LD-AB-158

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
118	Nova-Linco Inj	Lincomycin	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	LD-AB-159
119	Nova-Cefur	Ceftiofur	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp trên heo	LD-AB-160
120	Nova-Amox 50%	Amoxicillin	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng sinh dục - tiết niệu trên gia cầm, heo	LD-AB-161
121	Nova-Sulfa-Linco premix	Lincomycin, Sulfamethazine	Gói, hộp, bao	50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị viêm phổi do Mycoplasma, lỵ, viêm ruột, viêm teo mũi trên heo	LD-AB-162
122	Nova-D.O.C	Thiamphenicol, Oxytetracyclin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị PTH, THT, viêm phổi, viêm ruột, viêm đường sinh dục, tiết niệu, viêm khớp, thối móng trên trâu, bò, heo, dê, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-163
123	Nova-Colistin 80	Colistin sulfate	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	LD-AB-164
124	Nova-Amoxicol	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Hộp, túi, bao	10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, viêm vú, viêm khớp, nhiễm trùng rốn trên heo, gia cầm	LD-AB-165
125	Nova Neocoli	Neomycin sulfate, Colistin sulfate, Vit K, Vit D_3	Hộp, túi, bao	10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Neomycin trên gia cầm, thỏ, heo, bê nghé, dê con	LD-AB-166

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
126	Nova-Florphenicol 2%	Florphenicol	Gói, hộp, túi	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn Actinobacillus pleuropneumociae, Pasteurella multocida, Hemophilus parasuis, Streptococcus suis, Mycoplasma hyopneumoniae trên heo	LD-AB-167
127	Nova-Flor 40 LA	Florfenicol	Ống, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol như: Actinobacillus pleuroneumoniae, Pasteurella multocida, Mycoplasma hyopneumoniea	LD-AB-169
128	Nova-Amcoli Fort	Ampicillin, Colistin sulfate	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị CRD, C-CRD trên gia cầm; Trị tiêu chảy do E.coli, viêm phổi và hội chứng MMA trên heo	LD-AB-170
129	Nova-Bromhexine	Bromhexine	Gói; túi; hộp; bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Giảm ho, long đờm, hỗ trợ điều trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	LD-AB-171
130	Nova-Doxal	Florphenicol, Doxycyclin HCl	Ống; lọ; chai, can	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm tuyến vú, viêm tử cung, viêm âm đạo, viêm màng não, sốt hậu sản, viêm tắt sữa do vi khuẩn gây ra trên trâu, bò, ngựa, dê, lợn, chó, mèo	LD-AB-172
131	Nova-Doxine 500	Doxycycline HCl	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi trên heo, gia cầm	LD-AB-174
132	Nova-Tulacin	Tulathromycin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	LD-AB-175

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
133	Nova-Apracin	Apramycin	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 5; 10; 25kg	Trị viêm ruột ỉa chảy do vi khuẩn E.coli, Salmonella gây ra trên lợn, gia cầm	LD-AB-176
134	Nova-Tilmicosin 250	Tilmicosin phosphate	Ống, chai, can	10; 20; 50; 100; 300; 500ml 1; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	LD-AB-177
135	Novasal Complex	1-(n-Butylamino)-1 methylethyl phosphorus acid (Butaphosphan), Adenosin triphosphate, Cyanocobalamin, Vitamin B_6	Ống, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Tăng cường biến dưỡng trên gia súc, gia cầm trong trường hợp kiệt sức, mệt mỏi, suy nhược, chậm lớn	LD-AB-178
136	Nova-Anti Coli	Spectinomycin, Colistin sulfate	Ống, chai, can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên dê, cừu, heo con	LD-AB-179
137	Nova-Tia.dc	Tiamulin, Colistin	Ống, chai, can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, heo	LD-AB-180
138	Nova-Clamox	Amoxicilline trihydrate, Clavulanic acid	Ống, chai, can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị viêm phổi cấp, THT, viêm ruột tiêu chảy, tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, chó, mèo	LD-AB-181
139	Nova-Bactal	Cefquinome (as sulfate)	Ống, chai	2; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng da, thối móng, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, dê, cừu, heo	LD-AB-182

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
140	CP Toltrazuril 5%	Toltrazuril	Ống, chai, can	50; 100; 300; 500ml; 1; 2; 5; 10 l	Trị cầu trùng trên bê, nghé, dê non và lợn con	LD-AB-183
141	Nova-Tilcomix 200	Tilmicosin (as phosphate)	Gói, hộp, túi, bao	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	LD-AB-184
142	CP-Enrofloxacin 50%	Enrofloxacin	Gói, hộp, túi, bao	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, đường tiểu, tiết niệu, da trên heo, gia cầm	LD-AB-185
143	CP-Norfloxacin 50%	Norfloxacin	Gói, hộp, túi, bao	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm đường sinh dục, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu, viêm ruột tiêu chảy trên heo, gia cầm	LD-AB-186

66. Công ty TNHH Bayer Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	A-T 101 Vitamin E	Vitamin E	Gói Xô Bao	100g; 1kg 2,5kg; 5kg, 7,5kg 10kg; 25kg	Chống thoái hóa cơ, nâng cao khả năng sinh sản cho gia súc, gia cầm	BAS-20
2	A-T 104 Vitamin ADE	Vitamin A; D; E	Gói Xô, bao	100g; 1kg 2,5; 5,7,5,10kg; 5kg	Tăng tỷ lệ thụ thai ở heo, tăng năng suất đẻ trứng	BAS-22
3	A-T 105 Biotin	Biotin	Gói, xô Bao	100g; 1,2,5; 5,7,5kg 10kg; 25kg	Phòng và trị bệng nứt loét móng và da hóa sừng ở heo	BAS-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Pikuten-HF	Vitamin A; D_3; E; K_3; Fe; Cu; Mn; Zn; I; Co; Se; P; Mg; Amonium; molybdate	Bao	25kg	Cung cấp vitamin và khoáng cho vật nuôi	BAS-51
5	3-Nitro 1%	Roxasone	Gói Xô, bao	100g; 1kg 2,5; 5, 10kg; 25kg	Phòng bệnh cầu trùng và nâng cao năng suất ở gà	BAS-52
6	3-Nitro 10%	Roxasone	Gói Xô, bao	100g; 1kg 2,5; 5, 10kg; 25kg	Phòng bệnh cầu trùng và nâng cao năng suất ở gà	BAS-53
7	BMD 0,75%	Bacitracin methylene disalicylate, Caldium carbonate	Gói Xô, bao	100g; 1kg 2,5; 5, 10kg; 25kg	Kích thích tăng trọng sử dụng trong chăn nuôi heo	BAS-55
8	A-T 111 Vitamin C Antistress	Vitamin C; Citric acid	Gói; xô; Thùng	100; 250g; 500g; 1kg 2,5; 5; 10; 25kg	Chống stress cho gia súc	BAS-63
9	A-T 112 Multivitamin Water Soluble	Vitamin A; D_3; E; K_3; B_1; B_2; B_6; B_{12}; H_2; Niacin; Calpan	Gói Xô Thùng	100g; 250g 500g; 1kg 2,5; 5; 10kg; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, giảm stress	BAS-64
10	A-T 113 Vitamin C + Oxytetracycline Water Soluble	Vitamin C; Oxytetracycline	Gói Xô Thùng	100g; 250g 500g; 1kg 2,5; 5; 10; 25kg	Phòng và trị các bệnh do nhiễm khuẩn, tăng sức đề kháng cho gia súc	BAS-65

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11	A-T 206 Tylo-Sulfa-C	Tylosin; Sulphadi-midine; Vit C	Gói	100g; 1; 5; 10; 25kg	Phòng, trị bệnh do khuẩn gr(-), gr(+), Mycoplasma	BAS-70
12	A-T 207 Avatec	Lasalocid Sodium	Gói Xô, bao	100g; 1kg 2,5kg; 5,10; 25kg		BAS-71
13	Grosol M	Vitamin A; D_3; E; K_3; B_1; B_2; B_6; B_{12}; H_2; Niacin; Calpan; Folic acid Fe; Cu; Mn; Zn; I; Co; Se; Vit C; Amino acid, Amoxycycline	Gói Xô Bao	40g; 50g; 100g 250g; 500g; 1kg 2; 2,5; 4; 5; 7,5kg 10kg; 25kg	Cung cấp vitamin, khoáng cho vật nuôi	BAS-77
14	Saigo-Nox 10 New	Kitasamycin, Sulfadimidin	Gói Xô Bao	10, 20, 100, 400, 500g; 1kg; 2.5, 5,7.5kg 10kg, 25kg	Phòng và trị tiêu chảy cho heo, gà, tăng khả năng chuyển hóa thức ăn	BAS-79
15	Saigo-Nox 100 New	Kitasamycin, Sulfadimidin	Gói Xô Bao	10, 20, 100, 400, 500g; 1kg; 2.5kg, 5kg, 7.5kg 10kg, 25kg	Phòng và trị tiêu chảy cho heo, gà, tăng khả năng chuyển hóa thức ăn	BAS-80
16	Supastock Power Pig Pack	Choline, Mn, Co, Vit A, B_2, E, Saigo-Nox 100 New	Gói Xô Bao	500g; 1kg 2,5kg; 5kg 10kg; 25kg	Cung cấp vitamin và khoáng cho heo con, phòng tiêu chảy	BAS-83
17	Saigo-Nox Poultry	Kitasamycin tartrate, Thiamphenicol	Gói Xô Bao	20,100; 200; 400; 500g; 1kg; 2,5; 5; 7,5kg 10; 25kg	Phòng CRD, Coryza, viêm ruột tiêu chảy do E.coli và Salmonella ở gia cầm	BAS-84

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Helipyrin	Acetylsalicylic Acid	Bao Xô Bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1kg 2,5; 5; 7.5; 10; 5kg	Làm giảm đau, hạ sốt, kháng viêm. Giúp gia súc nhanh phục hồi sức khỏe	BAS-85
19	Mycosal	Kitasamycin base	Bao Xô Bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1kg 2,5kg; 5kg; 7.5kg 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh CRD, Coryza, E.Coli, Samonella ở gia cầm. Phòng ngừa bệnh viêm phổi trên heo	BAS-87
20	Mycosal S	Kitasamycin tartrate	Bao Xô, bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1; 2,5; 5; 7.5kg; 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh CRD, Coryza, E.Coli, Samonella ở gia cầm. Phòng ngừa bệnh viêm phổi trên heo	BAS-88
21	Colisal	Thiamphenicol	Bao Xô; bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1kg 2,5kg; 5kg; 7.5kg 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh CRD, Coryza, E.Coli, Samonella ở gia cầm. Phòng ngừa bệnh viêm phổi trên heo	BAS-89
22	Bacisol	Sulphadimidine	Bao Xô Bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1kg 2,5kg; 5kg; 7.5kg 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh nhiễm khuẩn cho gia súc, gia cầm. Phòng bệnh viêm ruột, tiêu chảy viêm teo mũi trên heo	BAS-90
23	Rintal 1%	Febante l10g	Bao Xô Bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1kg 2,5kg; 5kg; 7.5kg 10kg; 25kg	Trị bệnh giun tròn ở ruột và giun phổi ở gia súc	BAS-91

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24	Rintal 1.9%	Febantel 19g	Bao Xô Bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1kg 2,5kg; 5kg; 7.5kg 10kg; 25kg	Trị bệnh giun tròn ở ruột và giun phổi ở gia súc	BAS-92
25	Tetravit E	Chlortetracycline	Bao; xô	1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên trâu, bò, heo, gà	BAS-93

67. Công ty TNHH TM và sản xuất thuốc thú y Minh Dũng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	MD B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Bổ sung vitamin B_{12}, trị thiếu máu do suy dinh dưỡng, nhiễm ký sinh trùng	HCM-X21-02
2	MD B.Complex	Vit B_1, B_2, B_6, B_{12}; D.Panthenol; Nicotinamide	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Bổ sung vitamin nhóm B, tăng cường sức đề kháng, chống stress, chống nhiễm trùng. Kích thích tiêu hóa tốt, tăng trọng nhanh mau hồi phục sau khi mắc bệnh	HCM-X21-03
3	MD B_1, B_6, B_{12}	Vit B_1, B_6, B_{12}	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh thiếu máu, suy nhược, biếng ăn, bại liệt, viêm dây thần kinh, tăng sức đề kháng	HCM-X21-04

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4	MD-C 1000	Ascorbic acid	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị chứng suy nhược, xuất huyết, chảy máu cam, hoại huyết, sốt cao, trúng độc, stress, tăng sức đề kháng	HCM-X21-05
5	MD Calcium	Calcium gluconate; Boric acid	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các trường hợp sốt sữa, bại liệt trước và sau khi sinh, còi xương, xốp xương	HCM-X21-06
6	MD Selen-E	Vitamin E; Sodium Selenite	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh cơ trắng, teo cơ, thoái hóa cơ tim, tăng cường khả năng sinh sản, tăng tỷ lệ thụ thai	HCM-X21-07
7	MD Sorbitol + B_{12}	Sorbitol; Methionine; Vit B_2, B_6, B_{12}	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Tăng cường chức năng giải độc của gan, tăng tiết mật, kích thích tiêu hóa, chống táo bón, kích thích tạo máu	HCM-X21-08
8	MD Fer 10%	Iron; Dextran	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt, thiếu máu do nhiễm trùng, KST, hoặc do mất máu	HCM-X21-09
9	MD Fer + B_{12}	Iron; Dextran; Vit B_{12}	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị thiếu máu do thiếu sắt, nhiễm trùng, ký sinh trùng, mất máu, kích thích tăng trưởng nhanh	HCM-X21-10
10	MD Fer + Tylogen	Iron; Tylosin; Gentamysin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị thiếu máu do thiếu sắt, nhiễm trùng, thiếu máu kết hợp viêm ruột tiêu chảy và viêm phổi	HCM-X21-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
11	MD Leva 100	Levamisole	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh ký sinh trùng: giun đũa, giun phổi, giun thận, giun chỉ, giun tóc, giun dạ dày	HCM-X21-12
12	MD Analgin	Analgine	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau, an thần, kháng viêm, chống stress	HCM-X21-13
13	MD Analgin-C	Analgin; Vitamin C	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau, an thần, kháng viêm, chống stress, tăng sức đề kháng, chống xuất huyết, chảy máu cam	HCM-X21-14
14	MD Bromhexine	Bromhexine HCl	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản, giảm tiết dịch	HCM-X21-15
15	MD Dexa	Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Chống viêm do nhiễm trùng hoặc không nhiễm trùng, chống dị ứng, giảm đau, tăng phân giải glucose chống stress	HCM-X21-16
16	MD Atropine	Atropine sulfate	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Chống co thắt ruột, khí quản, phế quản, tiêu chảy nặng, giảm đau, giải độc trong các trường hợp ngộ độc Dipterex, Pilocarpin	HCM-X21-17
17	MD Divermectine	Ivermectin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh nội ngoại ký sinh trùng: Cái ghẻ, chí rận, giun đũa, giun phổi, giun thận	HCM-X21-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
18	MD Tylosin 100	Tylosine tartrate	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh viêm phổi, viêm xoang mũi, CRD, viêm khớp	HCM-X21-19
19	MD Genta 100	Gentamycin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm ruột tiêu chảy, E.Coli, phó thương hàn, viêm phổi, tụ huyết trùng, bệnh đường sinh dục, tiết niệu	HCM-X21-20
20	MD Colistin	Colistin sulfate	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, phù thũng do E.coli, thương hàn	HCM-X21-21
21	MD Enro 50	Enrofloxacin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1 lít	Điều trị các bệnh nhiễm trùng, thương hàn, tụ huyết trùng, phù thủng, viêm phổi, tiêu chảy, viêm khớp	HCM-X21-22
22	MD Nor 100	Norfloxacin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy, E.coli, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X21-23
23	MD DOC SONE	Oxytetracycline, Colistin, Dexamethasone, Magnesium chloride	Chai, lọ	1, 2, 5, 10; 20; 50; 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tụ huyết trùng, viêm khớp, thối móng, viêm đường tiết niệu	HCM-X21-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
24	MD Tiacolistin	Tiamulin; Colistin; Bromhexine HCl	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh hồng lỵ ở heo, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, CRD kết hợp E.coli, viêm khớp	HCM-X21-26
25	MD Septryl 240	Trimethoprim; Sulfamethoxi-pyridazine	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X21-27
26	MD Tylocosone	Tylosin; Colistin; Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1 lít	Điều trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, phân trắng, thương hàn	HCM-X21-28
27	MD Coli-Spira	Colistin; Spiramycine; Bromhexine	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm phổi, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X21-29
28	MD Lincospec	Lincomycin; Spectinomycin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1 lít	Điều trị tiêu chảy hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, viêm khớp	HCM-X21-31
29	MD Tylogenta	Tylosin; Gentamycin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Trị viêm phổi, CRD, tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X21-32
30	MD K.N.CD	Kanamycine; Neomycine	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, THT, phó thương hàn	HCM-X21-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
31	MD Peni 1T	Peniciline G procaine; Peniciline G sodium	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gram+, viêm nhiễm trùng da, bệnh đóng dấu	HCM-X21-34
32	MD Peni 4T	Peniciline G procaine; Peniciline G sodium	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gram+, viêm nhiễm trùng da, đóng dấu son	HCM-X21-35
33	MD Streptomycine	Streptomycin sulfate	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, bệnh Lepto, viêm vú, viêm thận	HCM-X21-36
34	MD Amoxiciline	Amoxicilin trihydrate	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-) và Gr(+), viêm vú, viêm phổi, viêm khớp	HCM-X21-37
35	MD Ampi	Ampiciline sodium	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-) và Gr(+), viêm vú, viêm phổi, viêm khớp	HCM-X21-38
36	MD Amkana	Ampicillin; Kanamysin	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm phổi, THT, viêm ruột tiêu chảy ra máu, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X21-39
37	MD Peni-Strep	Peniciline G sodium; Kanamycin sulfate	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Trị THT, bệnh dấu son, viêm phổi, viêm tử cung, bệnh Lepto, viêm khớp	HCM-X21-40
38	MD Analgin C	Analgin, Kali clorid, Vitamin C, Natri clorid	Gói, bao	5g, 10g, 20g, 30g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Hạ sốt, chống mất nước, mất chất điện giải	HCM-X21-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
39	MD Levasol	Levamisol	Gói, bao	5, 10, 20, 30gr, 50; 100gr, 200gr, 500gr, 1kg, 10kg	Chuyên sổ các loại giun cho heo con, trâu, bò, dê, cừu: giun đũa, giun kết hạt, giun phổi, giun thận, giun chỉ…	HCM-X21-44
40	MD E.Coli	Spiramycin, Sulfadiazine, Bromhexine, Vit C	Bao, gói	5, 10, 50, 100g, 250g, 5005, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Sưng phù đầu, tiêu chảy phân trắng, phân vàng, phó thương hàn, viêm phổi	HCM-X21-46
41	MD Septryl 48%	Trimethoprime, S.methoxypyridazine	Lọ, chai	10, 20, 30, 50, 60cc, 100, 250, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l	Trị tiêu chảy phân trắng ở gà vịt, heo con, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm khớp, viêm vú	HCM-X21-47
42	MD Spiramycin 1000	Spiramycin, Bromhexine	Chai, lọ	1, 2, 5, 10; 20; 50; 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Chuyên trị viêm phổi, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, tụ huyết trùng, đau móng, thối móng	HCM-X21-50
43	MD Enro 10%	Enrofloxacine	Lọ, chai	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l	CRD, thương hàn, THT, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi, tiêu chảy do E.coli, samonella, viêm phổi, tụ huyết trùng	HCM-X21-52
44	MD Norflox 200	Norfloxacin	Lọ, chai	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, CRD, tụ huyết trùng, viêm ruột …	HCM-X21-53
45	MD Flum 20%	Flumequine; Vit A, C, B_1, B_6	Lọ, chai	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l	Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm rốn trên gia súc, gia cầm	HCM-X21-55

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
46	MD Enro Oral	Enrofloxacine	Lọ, chai	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l	Trị CRD, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi, tiêu chảy do E.coli, samonella, viêm phổi	HCM-X21-56
47	MD Dexa 100	Dexamethasone	Chai, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Chống dị ứng, chống viêm trong các trường hợp nhiễm trùng hoặc viêm không do nhiễm trùng	HCM-X21-58
48	MD Leva 75	Levamisole	Chai, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Điều trị giun đũa, giun đường ruột, giun tóc, giun kết hạt, giun dạ dày, giun phổi, giun thận	HCM-X21-60
49	MD Spiracoli	Spiramycin, Colistin Bromhexine, Vitamin C, E	Bao, gói	5, 10, 50, 100g, 250g, 5005, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cho gia cầm, CRD, E.coli, viêm xoang mũi, viêm phổi, sưng phù đầu	HCM-X21-62
50	MD Vitamin K	Menadione sodium, Bisulphite	Bao, gói	5, 10, 50, 100g, 250g, 5005, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Tăng hoạt tính của Prothrombin làm mau đông máu, chống xuất huyết, cầm máu nhanh, sử dụng trước khi phẫu thuật	HCM-X21-63
51	MD Glucoza 5%	Dextrose	Chai, lọ, can	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Giúp bù lại nước và cung cấp thêm năng lượng, giúp giải độc cơ thể	HCM-X21-65
52	MD $B_1 + B_2 + B_6$	Vitamin B_1, B_2, B_6, Niacinamide	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1 lít	Bổ sung Vit nhóm B, tăng sức đề kháng, ngăn ngừa stress, chống nhiễm trùng	HCM-X21-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
53	MD Endocoli 120	Vitamin B_1, B_2, B_6, Niacinamide, Bromhexine	Chai, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Dùng pha thuốc bột MD Endocoli 120	HCM-X21-72
54	MD Ampicoli plus	Ampicilin; Colistin; Vit A, C, B_1, B_6	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 390g; 1; 10kg	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, phù thủng do E.coli, phó thương hàn, viêm phổi, viêm xoang, viêm khớp, viêm rốn	HCM-X22-01
55	MD Anvicoc	Sulfadimidine sodium; Diaveridine; Vit A, K_3	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị hữu hiệu các loại cầu trùng, bảo vệ niêm mạc ruột, chống xuất huyết	HCM-X22-02
56	MD Cefalexin 10%	Cephalexin; Paracetamol; Bromhexine HCl	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, viêm xoang mũi, CRD, viêm phổi, tụ huyết trùng	HCM-X22-03
57	MD Colfalexin	Cephalexin; Colistin Sulfate	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột và hô hấp, viêm xoang mũi, sưng phù đầu do E.coli	HCM-X22-07
58	MD Colineocin	Colistin sulfate; Neomycin sulfate; Vit A, D_3	Gói, bao	1; 5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, bệnh bạch lỵ, viêm rốn, bệnh phù thũng, phó thương hàn	HCM-X22-09
59	MD Colivit	Colistin; Potasium; Sodium chloride, Vit A, B_1, B_6	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, phù thũng do E.coli	HCM-X22-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
60	MD CRD Vit	Oxytetracyline; Spiramycine; Bromhexine; Vit A, C, B_1, B_6	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, CRD, CRD kết hợp E.coli, viêm xoang mũi trên gà, vịt, cút, giúp phục hồi bệnh nhanh	HCM-X22-11
61	MD Flum 100	Flumequine; Vit A, C, B_1, B_6	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và điều trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp của gia cầm	HCM-X22-13
62	MD Gencotrim	Gentamycin; Trimethoprim; Niacin	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị viêm xoang mũi, tụ huyết trùng, viêm ruột do E.coli, phó thương hàn, viêm rốn	HCM-X22-14
63	MD Biotin Calcium	Vit A, D_3; Biotin; Calcium Pantothenate; Calcium gluconate	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị các trường hợp bại liệt trước và sau khi sinh, còi xương, xốp xương	HCM-X22-18
64	MD ADE-C	Vit A, C, D_3, E,	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Nâng cao sức đề kháng, kích thích sinh trưởng nhanh, tăng khả năng sinh sản	HCM-X22-19
65	MD Vita Electrolytes	Vit A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, K_3; Potassium, Sodium chloride, Folic acid, Biotin, Niacin, Sodium bicarbonate	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp Vitamin và chất điện giải, tăng sức kháng bệnh, chống mất nước trong trường hợp tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng bức, thay đổi chuồng trại	HCM-X22-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
66	MD Selen E	Vit E; Sodium Selenite	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị các bệnh cơ trắng, teo cơ, thoái hóa cơ tim, tăng cường khả năng sinh sản, tăng tỷ lệ thụ thai	HCM-X22-24
67	MD Vitamin C 5%	Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị suy nhược cơ thể, chảy máu cam, hoại huyết, chống stress khi vận chuyển	HCM-X22-25
68	MD Vita C Premix	Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị chứng suy nhược, xuất huyết, hoại huyết, sốt cao, stress, tăng sức đề kháng	HCM-X22-26
69	MD Vitacalcium	Vit A, D_3, E; Biotin; Photpho; Canxi; Kẽm	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Bổ sung photpho; canxi, phòng nứt móng, rụng lông, da hóa sừng, còi xương, xốp xương, vỏ trứng mỏng, kích thích lột vỏ	HCM-X22-28
70	MD Super Egg	Vit A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, C, K_3; Lysin; Methionin; Niacin; Oxytetra; Calcium - Pantothenate	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp đầy đủ vitamin và các acid amin cho gà, vịt, cút đẻ, giúp tăng tỷ lệ đẻ trứng, ngừa các bệnh đường sinh sản	HCM-X22-29
71	MD Amino-C Vit	Vit C; Methionin; Lysin	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Nâng cao sức đề kháng, chống stress. Phục hồi nhanh sau khi bệnh	HCM-X22-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
72	MD Vita C Soluble	Vit C	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Trị suy nhược, hoại huyết, sốt cao, tăng sức kháng bệnh, chống stress do vận chuyển, tiêm phòng, thay đổi thời tiết	HCM-X22-33
73	MD Vitalyte	Vit A, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, C, D_3, E, K_3; Phosphate Chloride; Carbonate	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Trị mất nước do tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng, nâng cao sức đề kháng, chống stress	HCM-X22-35
74	MD Spiratylocol	Vit A, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, D_3, E; Niacin; Piramycin; Tylosin	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm rốn, nhiễm E.coli trên gà, vịt, cút mới nở, giảm tỷ lệ tử vong trong giai đoạn úm. Nâng cao sức đề kháng	HCM-X22-36
75	MD Adec Complex	Vit A, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, D_3, E; Folic acid	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp đầy đủ Vitamin, kích thích tăng trọng nhanh, tăng sức đề kháng	HCM-X22-37
76	MD Super Calcivit	Vit A, B_5, B_6, D_3; Biotin; Kẽm; canxi photphat	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Bổ sung calcium hòa tan ngừa bệnh còi cọc, đau móng, yếu chân, vỏ trứng mỏng, kích thích tăng trưởng nhanh	HCM-X22-40
77	MD B.Complex ADEC	Vit A, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, D_3, C, E; Folic acid	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp đầy đủ Vitamin, kích thích tăng trọng nhanh, tăng sức đề kháng	HCM-X22-50

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
78	MD Antigumboro	A, D_3, E, C, B_1, B_6, Niacine, K_3, Biotine, B_{12}, Lysine	Gói, bao	5gr, 10gr, 20gr, 30gr, 50gr, 100gr, 250gr, 400gr, 500gr, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Tăng cường sức đề kháng cho gà, cung cấp vitamin và chất điện giải Axitamin giúp ngăn ngừa và điều trị bệnh Gumboro tốt	HCM-X22-51
79	MD Sobitol + B_{12}	Sobitol, Vitamin B_{12}, L-Lysin, DL-Methionine	Gói, bao	5gr, 10gr, 20gr, 30gr, 50gr, 100gr, 250gr, 400gr, 500gr, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Giúp tiết mật tốt ở gia súc, gia cầm, kích thích thèm ăn, trị chứng khó tiêu, táo bón phân sống nâng hiệu quả sử dụng thức ăn	HCM-X22-52
80	MD Doc Sone Most	Oxytetracycline, Thiamphenicol Dexamethasone	Chai, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Chuyên trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tụ huyết trùng…	HCM-X22-73
81	MD Colimycin	Colistin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1 lít	Trị viêm ruột, viêm dạ dày ruột, phù thũng ở heo con, tiêu chảy, viêm phổi, viêm thận, viêm tử cung, viêm bàng quang, viêm khớp	HCM-X22-79
82	MD-Sulfacoc 33	Tylosin, Sulfaquinoxalin	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g; 5kg; 10kg	Phòng trị các bệnh cầu trùng ở gà, vịt, cút, ngan, thỏ; bệnh đường tiêu hóa	HCM-X22-81
83	MD Tylo 300+Colistin	Tylosin, Colistin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1 lít	Trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phân vàng, tiêu ra máu, bệnh phù thũng, sưng phù đầu, viêm phổi, viêm đường tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp	HCM-X22-84

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
84	MD Amox-Genta	Gentamycin, Amoxicilline	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1 lít	Trị bệnh viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, THT, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu, viêm khớp	HCM-X22-90
85	MD-Linco 100	Lincomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm ruột, nhiễm trùng huyết, nhiễm trùng ngoài da, viêm xoang mũi, viêm vú, viêm tử cung, suyễn, sưng phù đầu vịt	HCM-X22-100
86	MD-Tylan 100	Tylosin tatrate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh viêm phổi, viêm xoang mũi, CRD, viêm khớp, thối móng, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu	HCM-X22-111
87	MD Analdexa-C	Anagil, Vitamin C, Dexamethasone,	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt, trị cảm cúm	HCM-X22-113
88	MD-Calcimost + B_{12}	Calcium, Boric acid, Vitamin B_{12}	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng, trị bệnh do thiếu Calcium, xuất huyết, co giật, bại liệt	HCM-X22-114
89	MD Redmin	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_2, B_6, B_{12}, D.Panthenol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	HCM-X22-115
90	MD Polyvitamin	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Nicotine amid, D.Panthenol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5; 10 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng	HCM-X22-117

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
91	MD Sone	Thiamphenicol, Prednisolone	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Đặc trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, thối móng, viêm đường tiết niệu, hội chứng MMA trên chó, mèo	HCM-X21-01
92	MD Super feed	Calcium, phosphorous, methionine, $CuSO_4$, $FeSO_4$, Vitamin A, Protein, L-Lysin	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Chống còi cọc, mau lớn, ngăn ngừa các chứng tiêu chảy	HCM-X22-118
93	MD Spiratico	Spiramycin Adipate, Colistin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị sưng phù đầu, THT, viêm hô hấp mãn tính, CRD, C-CRD, viêm khớp gây liệt, viêm ruột tiêu chảy, viêm tử cung	HCM-X22-98
94	MD Catamin	2-Amino-4-(methylthio) butyric acid, Vitamin B_{12}	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Giúp phục hồi nhanh sau bệnh, chống suy nhược, còi cọc, bại liệt, kém ăn, chống thiếu máu, chống rối loạn dinh dưỡng, chống co giật, liệt	HCM-X22-143
95	MD B.Complex + C	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinamide, Vitamin C	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Bổ sung vitamin nhóm B, tăng cường sức đề kháng, chống Stress, chống nhiễm trùng, kích thích tiêu hóa	HCM-X22-144

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
96	MD Supermix N°1	Lysin, Methionine, Threonine, Calcium, Phosphorous	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g, 1; 5; 10kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Calcium, bổ sung đầy đủ các chất dinh dưỡng quan trọng cho heo con sau cai sữa, heo thịt	HCM-X22-146
97	MD Sowmilk	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_5, Lysin, Tryptophan, Ca, P, Methionine, Threonine	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g, 1; 5; 10kg	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết giúp cho heo con hồng hào mau lớn, và tạo sữa cho heo nái	HCM-X22-147
98	MD Amcodex	Ampicillin trihydrate, Colistin sulphate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin	HCM-X22-148
99	MD Oxytetra 200	Oxytetracycline	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Đặc trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra	HCM-X22-149
100	MD Ampi gentacol	Ampicillin trihydrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Ampicillin trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X22-150
101	MD Colamox	Amoxicilline trihydrate, Colistin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng máu, bệnh đường hô hấp, viêm rốn trên bò, heo, chó, mèo	HCM-X22-151
102	MD Tylo DB	Tylosin tartrate, Thiamphenicol, Prednisolone acetate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Thiamphenicol gây ra trên trâu, bò, heo, cừu, dê	HCM-X22-152

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
103	MD Antimulin	Neomycine sulfate, Chlortetracycline HCl	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa, CRD ghép E.coli, khẹc mũi trên gà, vịt	HCM-X22-153
104	MD EDT 115	Erythromycin, Doxycyclin HCl	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên gà, vịt, cút, ngan	HCM-X22-154
105	MD Kanagencosone	Kanamycine Sulfate, Gentamycin Sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, sinh dục trên gia súc, gia cầm	HCM-X22-155
106	MD Marbocine 200	Marbofloxacine	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	HCM-X21-25
107	MD Colistin 200	Colistin sulfate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, heo, cừu, thỏ, gà, vịt	HCM-X22-06
108	MD Florfenicol	Florfenicol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên trâu, bò	HCM-X22-104
109	MD Norfloxacin 200	Norfloxacin	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X22-05
110	MD Chlortetra-cycline 200	Chlortetracycline	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp tiêu chảy, viêm ruột, tụ huyết trùng trên heo, gà, vịt	HCM-X22-04

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
111	MD Vitamin K	Vitamin K_3	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1l	Cầm máu trong các trường hợp: Xuất huyết, phẫu thuật, tiêu ra máu trên bò, ngựa, heo, chó, mèo, gà	HCM-X22-161
112	MD ADE B.Complex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, Nicotinamide, D-Pantothenol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin trên trâu, bò, lạc đà, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X22-162
113	MD Vita Bovin	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_5, B_{12}, B_6, PP, C, Nicotinamide, Lysin, Methionin, Threonine, Tryptophan, Ca, P	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị còi xương, kích thích tăng trưởng, tăng sức đề kháng	HCM-X22-163
114	MD-CRD Spect	Doxycycline hyclate, Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X22-8
115	MD Acotin 3315	Amoxycillin, Colistin	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X22-12
116	MD Kanacolis	Kanamycine, Colistin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bò. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó, mèo	HCM-X22-16
117	MD Tiamulin 100	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh lỵ, viêm phổi địa phương, viêm khớp trên heo	HCM-X22-78

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
118	MD Losulfamid 444	Chlortetracyclin, Sulfamethoxy-pyridazin	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Chlorte-tracyclin, S.methoxypyridazin gây ra trên heo, bê, cừu	HCM-X22-96
119	MD Cefalexine 150	Cefalexine	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục trên chó, mèo	HCM-X22-164
120	MD Divermectin 1%	Ivermectin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, cừu	HCM-X22-165
121	MD Spectinomycine 200	Spectinomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo.	HCM-X22-17
122	MD Tylo 200	Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên heo	HCM-X22-77
123	MD AD3E	Vitamin A, D_3, E	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin A, D_3, E, tăng sức đề kháng	HCM-X22-167
124	MD-Tylospect	Tylosin, Spectinomycine	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm khớp, móng, viêm tử cung, nhiễm trùng, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X22-168
125	MD Bromhexine B	Bromhexine	Gói, bao, hộp	50; 100; 250; 500g, 1; 5; 10kg	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản	HCM-X22-169
126	MD Analgin -C V	Analgin, Vitamin C	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Giảm đau, hạ sốt, tăng cường sức đề kháng	HCM-X22-170

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
127	MD Aspirin V	Aspirin, Chlorpheniramine	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Giảm sốt, hạ nhiệt	HCM-X22-171
128	MD Biolaczym V	Bacillus subtilis	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Ngăn ngừa bệnh đường ruột, rối loạn tiêu hóa	HCM-X22-172
129	MD Bromhexine V	Bromhexine	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản	HCM-X22-173
130	MD Electrolyte V	Sodium bicarbonate, sodium chloride, potassium choloride	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Ổn định chất điện giải, chống stress	HCM-X22-174
131	MD Para V	Paracetamol, Vitamin C, Chlorpheniramine	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Hạ sốt, giảm đau	HCM-X22-175
132	MD Vita-C Soluble 105 V	Vitamin C	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Tăng cường sức đề kháng, chống stress, chống suy nhược, kích thích tính thèm ăn	HCM-X22-176
133	Vita MD V	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_{12}, C, Nicotinamide, Thiamine, Biotin, Folic, Pyridoxine, Calcium, Riboflavin	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Tăng cường vitamin và calcium, chống stress, tăng sức đề kháng	HCM-X22-177
134	MD AD_3B_{12}	Vitamin A, D_3, B_{12}	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Chống suy nhược, còi cọc, bại liệt, kém ăn, thiếu máu	HCM-X22-178

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
135	MD Paramin-C	Paracetamol, Vitamin C	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X22-179
136	MD antibiotic TD	Enrofloxacine base	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine trên trâu, bò, lợn, chó	HCM-X22-181
137	MD-Beta	Oxytetracycline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X22-182
138	MD-Oxcine 500	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, gia cầm	HCM-X22-183
139	MD 19	Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, cừu, lợn, thỏ, gia cầm	HCM-X22-184
140	MD Toltrazil	Toltrazuril	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên heo con do nhiễm Isospora suis	HCM-X22-185
141	MD Midal	Sulphamethoxazol, Trimethoprim	Viên/vỉ/ hộp	Vỉ 5 viên	Trị viêm tử cung trên gia súc	HCM-X22-186
142	MD Myco Stop	Lincomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị Mycoplasma, lỵ, E.Coli, CRD, viêm ruột, viêm phổi, viêm da, viêm khớp, trên heo, chó, mèo, gia cầm	HCM-X22-187
143	Amin	Dextrose, Calcium chloride, Potassium chloride, Magnesium sulfate, Sodium acetate,	Chai	10; 20; 50; 100ml	Điều trị hỗ trợ động vật suy nhược và tiêu chảy trên bò, ngựa, lợn	HCM-X22-188

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
		D-Panthenol, Pyridoxin HCl, Thiamin HCl, L-Cystine HCl, L-Threonine, L-Lysin, Tryptophan, DL-Methionin, Riboflavin sodium phosphate, Nicotinamide				
144	MD Antino-Fort	Doxycyclin, Erythromycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-189
145	MD Amox 150 LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị viêm ruột do E.coli, Salmonella, Clostrium, viêm khớp, viêm màng não, viêm phổi, viêm phế quản và các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn gram(-) gây ra	HCM-X22-190
146	MD Kana	Kanamycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, đường sinh dục, đường tiêu hóa, viêm vú, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng da, vết thương trên trâu, bò, lợn, chó, mèo và gia cầm	HCM-X22-191

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
147	MD Lincospec B	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	HCM-X22-192
148	MD Amox 20%	Amoxycillin trihydrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-193
149	MD-Doxy 20%	Doxycycline	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-194
150	MD-Colitrim	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-195
151	MD Toltracox 2,5%	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X22-196
152	MD Tiamulin 45%	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm phổi phức hợp, lỵ trên lợn	HCM-X22-197
153	MD Vitamin C 50%	Vitamin C	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Nâng cao sức đề kháng trên gia súc, gia cầm	HCM-X22-198
154	MD Tylo 20%	Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-199
155	MD Hisramin	Clorpheniramin	Chai	100; 500ml; 1 lít	Thuốc chống dị ứng	HCM-X22-200
156	MD Lidocain	Lidocain	Chai	100; 500ml; 1 lít	Gây tê cục bộ	HCM-X22-201
157	MD Amitraz 12,5%	Amitraz	Chai	100; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh ngoại ký sinh trùng trên trâu bò, dê, cừu, heo	HCM-X22-202

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
158	MD Hemomax 150	Vitamin B_{12}, Iron Ammonium Citrate, Riboflavin 5-phosphate sodium, Pyridoxine HCl, Niacinamide, DPanthenol, Cobalt Gluconate, Copper Gluconate, Choline Chloride, Biotin, Inositol, L-Lysine, DL-Methionine, Glycine, Benzyl Alcohol	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng trị bệnh do thiếu sắt, amino acid và vitamin nhóm B	HCM-X22-203

68. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Sapha

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Hemolysa	Vit A, D_3, E, Lysin, Methionin, Zn,Cu, Fe, Mn	Gói, bao	100; 200; 500g; 1; 5; 9; 10; 15kg	Bồi dưỡng cho heo con, heo thịt, heo nái	SAFA-1
2	Tetrazym	Tetracycline	Gói, bao	5; 100; 200g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 15kg	Kháng stress và ngừa bệnh thời tiết dùng cho heo, gà	SAFA-2
3	Viosol ADE	Vitamin A, D_3, E	Gói, bao	5; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Thuốc tăng cường Vitamin ADE	SAFA-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Strepto-Tetrazym	Streptomicine, Tetracycline	Gói, bao, hộp	5; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị toi gà, heo, vịt	SAFA-6
5	Safenzym	Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, $B1_2$, C, K, ….	Gói, bao, hộp	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Phòng ngừa và điều trị Gumboro ở gà, vịt, cút	SAFA-10
6	Menben	Menbendazol	Gói, bao, hộp	5; 10; 25; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Tiêu diệt giun sán cho heo, gà, vịt, chó. Trị bướu vịt	SAFA-12
7	Vita C	Vita C	Gói, hộp, bao	5g, 50g, 100g 500g; 1; 5; 10; 15kg	Ngừa và trị bệnh heo	SAFA-13
8	Amdo-C	Ampiciline, Docycline	Gói, hộp, bao	5g,10g, 50g, 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa và bệnh thời tiết cho heo, gà, vịt	SAFA-16
9	Neo-Sulfazym TCH	Neomycine Trimethroprym	Gói, hộp, bao	5; 10; 25; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị tiêu chảy dùng cho heo con	SAFA-17
10	Trị ghẻ-TG	Penicicline	Lọ, chai	5; 10; 20; 25; 100; 500g; 1kg	Trị ghẻ, xà mâu, loét da của heo, gà, chó	SAFA-19
11	Tecôli	Norfloxacin	Gói, hộp, bao	5g, 10g, 50g, 100g, 200g, 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị E.Coli heo, gà	SAFA-22
12	Viosol ADE-Soda	Vit A, C, D_3, E, Sodium carbonat, Acid Citric	Gói, hộp, bao	5g, 10g, 50g, 100g, 500g, 1kg 5kg	Hòa tan sủi bọt chuyên dùng nuôi gà, vịt, cút	SAFA-24
13	Neo Sulfazym	Neomycin, Trimethoprim	Gói, hộp	5g, 100g, 500g, 1kg	Trị cầu trùng gà, vịt, cút, heo, trị Coccidi gà, phân trắng vịt	SAFA-32
14	Safa-Canxi	Calcium gluconate	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị các bệnh thiếu canxi, bảo vệ mạch máu, làm tăng tốc độ đông máu, chống xuất huyết, phù thũng	SAFA-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	Safa-AD$_3$E	Vitamin A, D$_3$, E	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vit A, D$_3$, E	SAFA-37
16	Safa-C 20	Vitamin C	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin C, bồi dưỡng thú khi bệnh	SAFA-38
17	Sắt-Safa	Iron (Dextrancomplex), Vitamin B$_{12}$	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở heo con, thiếu máu do nhiễm trùng và ký sinh trùng hoặc do mất máu nhiều	SAFA-40
18	Safa spira-60MI	Spiramycin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng phổi, đường ruột, viêm vú, viêm tử cung, viêm tĩnh mạch rốn, loét móng, viêm khớp trên trâu, bò, heo	SAFA-41
19	Safa EN-5	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bò, heo; nhiễm trùng tiết niệu trên chó	SAFA-42
20	Safa ADE Beco-C	Vitamin A, D$_3$, E, B$_1$, B$_2$, B$_6$, B$_{12}$, C, B$_5$, PP	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin trên trâu, bò, ngựa, cừu, heo, chó, mèo	SAFA-43
21	Safa-Fenicol 40	Florphenicol	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy, viêm da, viêm kết giác mạc mắt trên bò, heo	SAFA-44
22	Safa-Coli 40MI	Colistin sulfate	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên bê, heo, cừu, gia cầm	SAFA-45
23	Safa T-Kisi	Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nội ngoại KST trên bò, heo, cừu	SAFA-46
24	Safa Dexa-0,2	Dexametasone	Chai	20; 50; 100ml	Trị thú bị sốc, dị ứng, viêm, chứng máu thừa Axeton trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	SAFA-47
25	Safa Anagin C	Analgin, Vitamin C	Chai	20; 50; 100ml	Trị cảm nắng, sốt cao, giảm đau, chướng bụng, đầy hơi trên trâu, bò, lợn, dê, chó, mèo	SAFA-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
26	Safa-Becozym	Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200ml	Trị chứng thiếu Vitamin B_1, rối loạn tăng trưởng, viêm ruột, viêm thần kinh, phòng tai biến da, niêm mạc hay tiêu hóa khi dùng kháng sinh trên trâu, bò, heo	SAFA-49
27	Safa-AD_3E Fort	Vitamin A, D_3, E	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin trên bò, ngựa, cừu, heo	SAFA-50
28	Safa-Tiamulin	Tiamulin	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị viêm khớp, viêm ruột non trên heo	SAFA-51
29	Xiro-C	Vitamin C	Chai	20; 50; 100; 200ml	Tăng cường sức đề kháng trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	SAFA-52
30	Safa-Sanla	Nitroxynil	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị sán lá gan, giun tròn, giun móc trên trâu, bò, dê, cừu, chó, gà	SAFA-53
31	Xiro-TCH Xanh	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục trên gà	SAFA-54
32	Xiro-TCH Vàng	Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị viêm ruột, viêm rốn, nhiễm trùng máu, viêm cục bộ trên bê, nghé, heo, cừu, gia cầm, thỏ	SAFA-55
33	Xiro-Coc 2	Sulfadiazin, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị cầu trùng, THT, TH, viêm dạ dày - ruột, viêm phổi trên bò, heo, cừu, gia cầm, thỏ	SAFA-56
34	Safa Beco-Amin	Vitamin B_1, B_2, B_5, PP, B_6, B_{12}, H, Choline chloride, Inositol, DL-Methionine, L-Lysine, Glycine	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B và Axit amin trên bò, ngựa, heo, chó, mèo	SAFA-57

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
35	Safa Gluco-Lact	Sodium chloride, Sodium lactate, Potassium chloride, Calcium chloride dihydrate, Dextrose	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trợ giúp trong việc trị liệu khi mất nước và rối loạn chất điện giải trên trâu, bò, ngựa, heo	SAFA-58
36	Xiro-Specti	Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh hô hấp mãn tính trên gia súc, gia cầm	SAFA-59
37	Xiro-Coc-1	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị cầu trùng trên heo con	SAFA-60
38	Xiro-Milus	Ca, Mg, Na, Fe, Zn, Cu, Mn	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Bổ sung khoáng bị thiếu hụt trên bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, thỏ	SAFA-61
39	SAFA-Tylan-20	Tylosin tartrate	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm móng, thối móng, viêm khớp trên trâu, bò, heo	SAFA-63
40	Safa EN-10	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo dạ dày - ruột, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, dê, cừu	SAFA-64
41	Safa-Amox 15	Amoxicillin trihydrate, Aluminium	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày - ruột, tiết niệu, da, vết thương trên trâu bò, ngựa, bê, cừu, dê, lợn, chó, mèo	SAFA-65
42	Safa-Sep.24	Trimethoprim, Sulfamethoxy-pyridazine	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, cừu, lợn	SAFA-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
43	Safa-Penstrep	Penicillin G Procaine, Dihydrostreptomycin sulphate	Chai	20, 50, 100, 200, 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, tụ huyết trùng, dấu son, lepto, viêm tử cung, viêm móng trên gia súc, gia cầm	SAFA-67
44	Safa-Amcoli	Ampicilline trihydrate, Colistine sulfate	Chai	20, 50, 100, 200, 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, niệu, sinh dục, máu, bệnh thương hàn, viêm teo mũi truyền nhiễm, hội chứng MMA, bệnh viêm vú trên gia súc	SAFA-68
45	Safa dosol	Doxycycline HCl	Chai	20; 50; 100; 500ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản - phổi, tụ huyết trùng do vi khuẩn nhạy cảm với doxyccycline gây ra trên trâu, bò, lợn	SAFA-69
46	Safa-Linco-10	Lincomycine HCl	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị kiết lỵ, viêm khớp trên heo	SAFA-70
47	Amox-SP	Amoxicillin Trihydrate	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SAFA-71
48	Tydo-SP	Tylosin tartrate; doxycycline hyclate	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SAFA-72
49	Doxy-SP	Doxycycline HCl	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SAFA-73
50	Safa-CE5	Ceftiofur HCl	Chai	20, 50, 100, 200, 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm tử cung trên heo, trâu, bò, cừu, chó, mèo	SAFA-75

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
51	Amoxcoli-SP	Amoxicillin, Colistin	Bao, gói	5; 10; 100; 200; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm cục bộ, nhiễm trùng thứ phát trên trâu bò, cừu, gia cầm	SAFA-74
52	Safa - diệt muỗi	Permethrin	Chai	20; 50; 100; 200; 500ml; 1; 2 lít	Phòng và trị ve, bọ chét và xua đuổi muỗi, ruồi	SAFA-76

TỈNH TÂY NINH

69. Công ty TNHH sản xuất - thương mại A.S.T.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ery 200	Erythromycine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, thương hàn, viêm tiết niệu trên trâu, bò, lợn, cừu	ASTA-1
2	Spec-lin	Lincomycine HCl, Spectinomycine sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycine và Spectino-mycine gây ra trên heo, bê, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	ASTA-2
3	Ascor-Dipy	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt, phòng chống stress khi thay đổi môi trường trên trâu, bò, heo, gà, vịt	ASTA-3
4	Marbo-5	Marbofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	ASTA-4
5	ADE Fort	Vitamin A, D_3, E	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin A, D_3, E trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	ASTA-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Genta-80	Gentamycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng máu, bệnh đường tiêu hóa, tiết niệu, hô hấp trên trâu, bò	ASTA-6
7	Oxytetra 100	Oxytetracyclin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-7
8	Tylo-200	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường ruột, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo, gà	ASTA-8
9	Co-spir	Spiramycine, Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng máu, tiêu chảy, viêm khớp, viêm vú trên bê, heo con, dê con, cừu con	ASTA-9
10	Scol-Kana	Kanamycine sulfate, Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò. Nhiễm trùng tiết niệu, da trên chó, mèo	ASTA-10
11	Doxy 100-LA	Doxycycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	ASTA-11
12	Sulfa ETS	Sulfadimethoxin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sốt do vận chuyển, viêm phổi, bạch hầu, viêm móng trên trâu, bò	ASTA-12
13	Spira 20	Spiramycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	ASTA-13
14	Nor-1500	Norfloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-14
15	Butal AD	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn trao đổi chất do thiếu dinh dưỡng, do mắc bệnh trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	Mectin	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu,bò, heo	ASTA-17
17	B12-ATP	Vitamin B_{12}, sodium selenite, Adenosin triphosphate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống suy nhược, giúp hồi phục sức khỏe, stress do vận chuyển trên ngựa, trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo, gia cầm	ASTA-19
18	Vita complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, C, DL-Methionine, Nicotinamide, Cafein	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi thú bệnh, mất sức, ngộ độc, biếng ăn. Phòng bệnh về da, rối loạn tăng trưởng	ASTA-20
19	PC-Tylo	Thiamphenicol, Tylosin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, THT, viêm tử cung, đau móng, viêm vú, nhiễm trùng máu, tiêu chảy, viêm ruột trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-22
20	Calbiron	Calcium gluconate, Cyanocobalamin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thiếu canxi, hạ canxi huyết, mềm xương, còi cọc ở thú non. Bảo vệ mạch máu, chống chảy máu, xuất huyết, phù nề trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	ASTA-23
21	Astryl	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu, bò, heo	ASTA-25
22	Sep-ro	Sulfamethoxypy-ridazine, Trimethoprim	Chai	5; 10; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa trên trâu, bò, heo, cừu	ASTA-26
23	Thiam.Sone	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị PTH, THT, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, đau móng, viêm đường tiết niệu, tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo, gia cầm	ASTA-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24	Doxy-sone	Florfenicol, Doxycycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm ruột, viêm tử cung, viêm vú, THT, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-28
25	E.Flox 10	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100, 200, 250, 500ml, 1 lít	Trị CRD, nhiễm trùng máu, tụ huyết trùng, Coryza, bạch lỵ, thương hàn trên gia cầm	ASTA-29
26	CK-Cox	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100, 200, 250, 500ml, 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	ASTA-30
27	Pig-Cox	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250ml	Phòng và trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con, bê, nghé	ASTA-31
28	Coli-EF	Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100, 200, 250, 500ml, 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, heo, cừu, gia cầm	ASTA-32
29	Norflox-H	Norfloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	ASTA-38
30	Marbo-10	Marbofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, viêm tử cung, viêm vú, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo	ASTA-39
31	Calci-B6	Calcium, Boric acid, Magnesium hydrophosphite	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu canxi, magie trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo	ASTA-40
32	Florcol-LA	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo	ASTA-41
33	Linco Best	Lincomycin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên bê, nghé, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	ASTA-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
34	Sulfo-T	Sulfadimidin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, thỏ, gia cầm	ASTA-43
35	Trime-sul	Sulfamethazin, Trimethoprim	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi trên bò, ngựa, heo, dê, cừu	ASTA-44
36	Enro-Fast	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, chó, mèo	ASTA-45
37	Nor 100	Norfloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, thương hàn, E.coli trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-52
38	Norflox 5	Norfloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, thương hàn, E.coli trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-53
39	C-Glumin	Vitamin C	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin C, tăng cường đề kháng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	ASTA-54
40	Dipyzin	Dipyrone	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	ASTA-55
41	Versol	Levamisole	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị giun tròn trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-57
42	E.flox 2.5	Enrofloxacine	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100, 200, 250, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu chảy trên gia cầm	ASTA-59
43	Tylan-100	Tylosin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương trên bò, heo, gia cầm	ASTA-64
44	Spec 50	Spectinomycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250ml	Trị tiêu chảy trên heo con	ASTA-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
45	Tylo-TMP	Tylosin, Trimethoprim	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo	ASTA-67
46	Dox-Tylo	Tylosin, Doxycycline	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, heo, gia cầm	ASTA-21
47	Coli-Prim	Colistine sulfate, Trimethoprime	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Colistine và Trimethoprime gây ra trên bê, dê non, cừu non, heo, thỏ, gia cầm	ASTA-24
48	Sulfa plus	Sulfachloropyridazin, Trimethoprim	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng đường ruột, viêm phổi trên heo, gia cầm	ASTA-33
49	Cocci-92	Sulfachlozine sodium	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Phòng và trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên gà	ASTA-34
50	HTC-791	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị lỵ, bệnh đường ruột, viêm phổi trên heo	ASTA-35
51	Speclin-1000	Lincomycin HCl Spectinomycin sulfate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột trên heo; CRD trên gà	ASTA-37
52	CRD-2009	Spiramycin, Trimethoprim	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên gà	ASTA-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
53	Oligo Layer	Oxytetracycline, Vitamin D, D_3, E, K_3, B_2, B_{12}, PP, Pantothenate calci, DL-Methionin, Lysine	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm	ASTA-47
54	TrimeCin	Josamycin, Trimethoprim	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị bệnh hô hấp, viêm khớp trên gia cầm	ASTA-50
55	Ri-AS	Nystatin	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Phòng và trị bệnh do nấm trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	ASTA-58
56	T-Worm	Levamisole	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị giun trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	ASTA-60
57	Spira-C	Spiramycin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy trên gia súc, gia cầm	ASTA-61
58	Septryl	Sulfadimethoxin, Trimethoprim	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm phế quản, viêm ruột, tiêu chảy trên gia cầm, heo	ASTA-62
59	Tyl-Sul	Tylosin, Sulfametazine	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy trên gia cầm, heo	ASTA-63
60	FCT	Florfenicol	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	ASTA-65

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
61	Amox-col	Amoxicilline, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, thương hàn, E.coli, tụ huyết trùng trên bê, ngựa non, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-68
62	Rimaco FA	Rifamycin, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú, nhiễm khuẩn đường ruột	ASTA-69
63	Ceftifur	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	ASTA-70
64	Cefti-DC	Ceftiofur	Chai	0,5; 1; 2; 4g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	ASTA-71
65	Co-Amox	Amoxycillin trihydrate Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày ruột, niệu - sinh dục, nhiễm trùng kế phát bệnh do virus trên trâu, bò, heo	ASTA-72
66	Co-Ampi	Ampicillin, Colistin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị THT, viêm teo mũi truyền nhiễm, tiêu chảy, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA)	ASTA-73
67	Glucan Gum	Vitamin B_1, B_2, B_6, K, C, PP, Paracetamol, Methionine, Lysine, Potassium citrate, Sodium citrate, Phenyl butazole sodium	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Hạ nhiệt, giảm tiêu chảy, bổ sung vitamin cho gia cầm	ASTA-75
68	Cefquino	Cefquinome	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm da trên trâu, bò, heo	ASTA-76
69	Sray-FD	Oxytetracyclin HCl	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng ngoài da	ASTA-77
70	Cef Rx	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	ASTA-78

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
71	Tygenson	Tylosin tartrate, Gentamycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm móng, đóng dấu, viêm tử cung, viêm khớp, hồng lỵ, thương hàn, nhiễm trùng máu, viêm xoang, nhiễm khuẩn niệu, da, dạ dày - ruột trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-79
72	Diclodol	Paracetamol, Diclofenac sodium	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị đau, viêm cấp tính: Đau cơ, đau hậu phẫu, chấn thương	ASTA-80
73	Chlor-Ery	Erythromycin, Chlortetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường tiêu hóa trên heo, gia cầm	ASTA-81
74	Dexmin	Prednisolone, Chlorpheniramin maleat	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị dị ứng, chống viêm, phù	ASTA-82
75	Dung môi tiêm	1, 2 Dihydroxypropane, Phenylcarbinol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1l	Dùng pha thuốc tiêm	ASTA-83
76	Clamoxcin	Amoxycillin trihydrate, Acid clavulanic	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, mô mềm, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, chó, mèo	ASTA-84
77	Bcom ADE	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, PP, B_5, Choline chloride, Lysine, Glycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn tăng trưởng, sử dụng trong các trường hợp giảm ăn, ít ăn, giai đoạn phục hồi, tăng trưởng kém, năng suất sinh sản kém	ASTA-85
78	Fosfocin	Fosfomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, viêm vú, nhiễm khuẩn đường sinh dục, viêm rốn và viêm khớp do vi khuẩn trên trâu, bò, gia cầm	ASTA-86

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
79	Fluroquin	Enrofloxacine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, sinh dục và tiết niệu, nhiễm trùng da, mô mềm, nhiễm trùng tai, xương, nhiễm trùng đường ruột trên trâu, bò, heo, chó, mèo, cừu, gia cầm	ASTA-87
80	Doxyhex	Doxycyclin, Acid Acetylsalicylic, Bromhexin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1l	Trị Colibacillosis, CRD trên lợn, gia cầm	ASTA-88
81	Norsul	Norfloxacin	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị Mycoplasma, E.coli, Salmonella, Pasteurella trên gia cầm. Trị lỵ, viêm teo mũi, viêm phổi địa phương và viêm não do Streptococcus trên lợn	ASTA-89
82	Beta-Ro 20	Enrofloxacin	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp và tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-90
83	Multi ADB	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Calcium pantothenate, Niacinamide, Biotin, Folic acid, Choline chloride, DL-Methionine, L-Lysine	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Hỗ trợ điều trị bệnh nhiễm trùng, giúp khắc phục tình trạng thiếu hụt vitamin và acid amin trên trâu, bò, gia cầm	ASTA-91
84	Oxystrepsol	Oxytetracycline HCl, Streptomycin sulphate, Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, Calcium pantothenate, Nicotinamide, Inositol	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-92

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
85	Electrolyt	Potassium chloride, Sodium sulphate Sodium chloride, Magnesium sulphate, Copper sulphate, Zinc sulphate, Iron sulphate, Manganese sulphate, Citric acid	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Dùng trong trường hợp mất nước và điện giải do stress, nhiệt độ cao, nhiễm trùng và dinh dưỡng gây ra trên bê nghé, cừu non, heo con, gia cầm	ASTA-93
86	Doxygen	Doxycycline hyclate, Gentamycin sulphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-94
87	Fosfotyl	Fosfomycin, Tylosin tartrate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị E.coli, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng trên gia cầm	ASTA-95
88	Tilmicotryl	Tilmicosin phosphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gà	ASTA-96
89	Strepto-Tetra	Oxytetracycline HCl, Streptomycin sulphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, viêm xoang, tụ huyết trùng, CRD trên gia cầm. Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, viêm phổi, viêm phế quản trên heo	ASTA-97
90	Analgin C	Analgin,Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước, mất điện giải trên gia súc, gia cầm	ASTA-98
91	Quinocox	Diaveridine Hydrochloride, Sulphoquinoxaline	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng ruột non và manh tràng, bệnh tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	ASTA-99

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
92	Dimicox	Sulfadimidine sodium Diaveridine Hydrochloride	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng manh tràng và cầu trùng ruột non trên gia cầm	ASTA-100
93	Aspidol	Acetyl Salicylic acid, Paracetamol, Ascorbic acid, Potassium chloride, Sodium chloride	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Chống stress do thời tiết, tiêm phòng, chuyển chuồng…, chống mất nước, mất chất điện giải, sốt cao trên gia súc, gia cầm	ASTA-101
94	Bromhexin	Bromhexine HCl	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản trong các bệnh viêm phế quản, viêm thanh phế quản truyền nhiễm, viêm phổi, suyễn, CRD trên gia súc, gia cầm	ASTA-102
95	Apravit	Apramycin sulphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, thương hàn trên bê, nghé, heo. Trị nhiễm trùng huyết do Escherichia coli trên gà con	ASTA-103
96	Devopen	Streptomycin sulfate Penicillin G Kali	Chai	100; 500ml	Trị tụ huyết trùng, lỵ, viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, nhiệt thán, đóng dấu, viêm phế quản - phổi, viêm vú, viêm tử cung, vết thương, vết thương có mủ trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa, heo, gia cầm	ASTA-104
97	Devopen-P	Dihydrostreptomycin sulfate, Penicillin G procaine	Chai	100; 500ml	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm phổi, tụ huyết trùng, nhiệt thán, đóng dấu, viêm khớp, viêm ruột, tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ASTA-105

70. Công ty TNHH SX-TM M.E.B.I.P.H.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Gentamox 15% LA	Amoxycillin trihydrate, Gentamycin sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, sưng phù đầu, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung	MBP-1
2	Multibiotic LA	Ampicillin Trihydrate, Colistine Sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA), tiêu chảy do E.coli trên heo	MBP-2
3	Metril Max LA	Enrofloxacin	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi địa phương, viêm phổi dính sườn, tụ huyết trùng, thương hàn trên heo. Trị CRD, CCRD trên gia cầm	MBP-3
4	Penstrep LA	Penicillin G Procaine, Dihydrostreptomycine Sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm khớp, đau móng, viêm đường sinh dục do Leptospira, bệnh sẩy thai truyền nhiễm. Hội chứng MMA, tụ huyết trùng, đóng dấu son, viêm da, nhiễm trùng vết thương	MBP-4
5	Oxytetra 200 LA	Oxytetracyllin	Chai	20ml, 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, bò, dê, cừu, heo	MBP-5
6	Flor 400 LA	Florfenicol	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi - màng phổi, viêm phổi cấp tính, tụ huyết trùng, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm khớp, viêm màng não tủy, viêm thận, viêm tiết niệu, thương hàn, viêm ruột trên trâu, bò, dê, cừu heo, vịt	MBP-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7	Mebi - Sone	Flophenicol, Doxycycline HCl	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng và bệnh kế phát trên trâu, bò, dê, cừu, heo	MBP-7
8	Tylocan 20% INJ	Tylosine (tartrate)	Chai	20ml, 100ml	Trị CRD, CCRD, viêm xoang mũi, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm	MBP-8
9	Linspec INJ	Lincomycine, Spectinomycine	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi - màng phổi, thương hàn, tiêu chảy trên gia súc	MBP-9
10	Mebi-Spira D.C	Spiramycine, Colistine sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy trên heo con	MBP-10
11	Mebi-Sultrim INJ	Trimethoprime, Sulphamethoxazole	Chai	20ml, 100ml	Trị tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	MBP-11
12	D-Max 25 INJ	Danofloxacine	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phổi - màng phổi trên trâu, bò, heo	MBP-12
13	Mebi - Gentatylo INJ	Tylosin tartrate, Gentamycine sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo	MBP-13
14	Ketofen 10% INJ	Ketoprofen	Chai	20ml, 100ml	Chống viêm, giảm đau, hạ sốt	MBP-14
15	Mebi - ADE INJ	Vitamin A, D, E	Chai	20ml, 100ml	Dùng để phòng và trị thiếu vitamin A, D, E	MBP-15
16	Fenac INJ	Diclofenac sodium	Chai	20ml, 100ml	Hạ sốt, giảm đau	MBP-16
17	Para C 15%	Paracetamol, Vitamin C	Chai	20ml, 100ml	Hạ sốt, giảm đau	MBP-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Dexa - BP INJ	Dexamethasone	Chai	20ml, 100ml	Kháng viêm, kết hợp với kháng sinh trong điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, chống dị ứng	MBP-18
19	Metosal 10%	1-(n-Butylamino)-1 Methylethyl Phosphorous acid, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng. Phục hồi các rối loạn sinh sản. Chống stress, ổn định thần kinh	MBP-19
20	Mebi-Glucan INJ	Buta-phosphan, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Kích thích miễn dịch. Tăng biến dưỡng, sức đề kháng, chống stress	MBP-20
21	Mebi-Nucleotide INJ	Buta-phosphan, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng, điều chỉnh rối loạn trao đổi, chống stress	MBP-21
22	Tăng lực Number 1 INJ	Buta-phosphan, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng. Phục hồi các rối loạn sinh sản, chống stress trên heo, gia cầm	MBP-22
23	ADE BC INJ	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_1, B_6, Nicotinamide	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin A, D, E, C, nhóm B	MBP-23
24	ATP-Calcium INJ	Calcium Gluconate, Calcium Glucoheptonate	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị các bệnh thiếu calci trên trâu, bò, heo, dê, cừu	MBP-24
25	Mebi-Dextran 200 INJ	Iron Dextran, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Phòng và điều trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở heo con	MBP-25
26	Mebi-Flum ORAL	Flumequine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị tiêu chảy do vi khuẩn E.coli, Clostridium	MBP-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
27	Mebi-Cox 5%	Toltrazuril	Chai, can	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng trị bệnh cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con theo mẹ, bê, nghé	MBP-27
28	Mebi-Enroflox 10%	Enrofloxacine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng trị bệnh CRD, sưng phù đầu (do Coryza), thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi, bệnh ghép giữa CRD và E.coli	MBP-28
29	Mebi-Flumequine 20%	Flumequine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm khớp, CRD, CCRD trên gia cầm	MBP-29
30	Mebi-Flor 20	Flophenicol	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị CCRD, tụ huyết trùng, sổ mũi truyền nhiễm, tiêu chảy, viêm ruột	MBP-30
31	Mebi-Cox 2.5%	Toltrazuril	Chai, can	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm, heo, bê nghé, thỏ	MBP-31
32	Metosal Oral	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Kích thích biến dưỡng, điều chỉnh rối loạn trao đổi chất, mau hồi phục sau mắc bệnh, chống stress trên gia cầm	MBP-32
33	Mebi-Oxomix 20%	Oxolinic acid	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, nhiễm trùng huyết, viêm khớp, CRD, CCRD trên gia cầm	MBP-33
34	Mebi-Ampicoli	Ampicillin trihydrate, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm rốn, nhiễm trùng máu trên gia súc, gia cầm	MBP-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
35	Mebi-Calciphos	Phospho (P_2O_5), Calcium phosphate monobasic, Magnesium phosphote monobasic, Sodium phosphate monobasic, Mangenese phosphate monobasic, Zinc phosphate monobasic, Cupric phosphate monobasic, Cobalt phosphate monobasic	Chai, can	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Cung cấp Ca, P và các nguyên tố vi	MBP-35
36	Josa Grow Pigs	Josamycine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Trị viêm phổi trên heo	MBP-36
37	Tri-Alpha	Josamycin, Trimethoprime	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị CRD, CCRD, viêm khớp trên gia cầm	MBP-37
38	Tylosulfa-DC	Tylosine Tartrate, Sulfadimidine, Vitamin C	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy, viêm khớp, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy trên gia súc	MBP-38
39	Flophenicol	Flophenicol	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc	MBP-39
40	Mebi-Speclin	Lincomycine, Spectinomycine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	MBP-40
41	Doxy Coli	Doxycillin, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gia súc, gia cầm	MBP-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
42	Mebi-Amoxtin AC	Amoxillin trihydrate, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy trên gia súc. Trị CRD, CCRD, viêm khớp, viêm xoang mũi trên gà, vịt, cút	MBP-42
43	Mebi-Ticosin 20%	Tilmicosin phosphate	Bao, gói, lon	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	MBP-43
44	Tylo 50% WS	Tylosin tartrate	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg/bao	Trị CRD, CCRD, viêm khớp trên gia cầm	MBP-44
45	Linspec 100WS	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulphate	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg/bao	Trị CRD, CCRD, viêm khớp trên gia cầm	MBP-45
46	Ampicoli 50% WS	Ampicillin trihydrate, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg/bao	Trị CRD, CCRD, viêm ruột, bệnh do E.coli, viêm khớp trên gà, vịt, cút	MBP-46
47	Trisulpha	Trimethoprime, Sulphadimidine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg/lon	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, gia cầm	MBP-47
48	Nystatin	Nystatin	Bao, gói	10g, 20g, 25g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị nấm phổi trên gia cầm	MBP-48
49	Clav-Mox LA	Amoxycillin Trihydrate, Acid Clavulanic (Potassium Clavulanate)	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, sưng phù đầu do E.coli, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung	MBP-50
50	Amox 15% LA	Amoxycycline	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, sưng phù đầu do E.coli, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung	MBP-51

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
51	Bromhexine INJ	Bromhexine	Chai	20ml, 100ml	Làm loãng đàm và tan đàm	MBP-52
52	Đặc trị tiêu chảy INJ	Enrofloxacin	Chai	20ml, 100ml	Trị tiêu chảy do E.Coli, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA) trên heo	MBP-53
53	Flordox INJ	Florfenicol, Doxycycline	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phổi dính sườn, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, viêm da, bệnh sảy thai truyền nhiễm, viêm vú, tụ huyết trùng, sưng phù đầu	MBP-54
54	TIA-DC INJ	Tiamulin	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy trên heo	MBP-55
55	Marbo 20	Marbofloxacine	Chai	20ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	MBP-56
56	Tilmi 200 INJ	Tilmicosine	Chai	20ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	MBP-57
57	Butasal INJ	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng, phục hồi các rối loạn sinh sản, chống stress	MBP-58
58	Dextran B_{12} INJ	Iron Dextran, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị các triệu chứng thiếu máu do thiếu chất sắt	MBP-59
59	Linspec	Lincomycine, Spectinomycine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	MBP-60
60	Tylo-Dox WS	Tylosin, Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm	MBP-61
61	Doxy 20%	Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	MBP-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
62	Doxy 30%	Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	MBP-63
63	Doxy 50%	Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	MBP-64
64	Flumequine 20	Flumequine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm khớp, CRD, CCRD trên gia cầm	MBP-65
65	Amox AC 50%	Amoxycycline trihydrate	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	MBP-66
66	Tilmi 25%	Tilmicosin	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	MBP-67
67	Vitril 10% WS	Enrofloxacine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp, bệnh đường ruột trên gia súc, gia cầm	MBP-68
68	Norflox 10% INJ	Norfloxacine	Chai	20ml, 100ml	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, CRD trên gia cầm. Trị viêm phổi, thương hàn, bệnh đường ruột trên trâu, bò, heo	MBP-69
69	Kana 10% INJ	Kanamycine sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo	MBP-70
70	Genta 4% INJ	Gentamycine	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi, tiêu chảy, nhiễm trùng huyết	MBP-71
71	Vitamin C 10%	Vitamin C	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin C, tăng cường sức đề kháng	MBP-72

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
72	Sinbad S12	Vitamin B_5, B_{12}, Destrose	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Giúp thú mau hồi phục sau khi mắc bệnh. Trị thiếu máu, thiếu dinh dưỡng, chậm lớn	MBP-73
73	Metril oral	Spectinomycine, Colistin	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị tiêu chảy, bệnh phù đầu trên heo con	MBP-74
74	Immuno ones	Betain, Fructose Oligosaccharide	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Kích hoạt hệ miễn dịch, nâng cao sức đề kháng	MBP-75
75	Bromhexine	Bromhexine, Paracetamol	Túi, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Giảm ho, long đờm. Giãn phế quản, thông khí quản	MBP-76
76	Cefti LA	Ceftiofur	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	MBP-77
77	Sone t.o.d	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy, viêm da, bệnh sảy thai truyền nhiễm, viêm vú, tụ huyết trùng, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	MBP-78
78	Tylosin 200	Tylosin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị Mycoplasma spp, tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng lỵ, dấu son trên heo, gia cầm	MBP-79
79	Flunixin	Fluxinin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Giảm đau, kháng viêm, hạ sốt	MBP-80
80	7B vip	Vitamin B_1, B_2, B_3, B_4, B_5, B_6, Vitamin H, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tăng sức đề kháng, giúp thú mau hồi phục sau khi mắc bệnh	MBP-81

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
81	Multi new LA	Amoxycillin, Colistin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, mất sữa, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng trên trâu, bò, heo	MBP-82
82	Ivermectin	Ivermectin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị nội ngoại ký sinh trùng	MBP-83
83	Spec oral	Spectinomycine, Colistin	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị tiêu chảy, bệnh phù đầu trên heo	MBP-84
84	Benda safety	Fenbendazol	Túi, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Phòng và trị các trường hợp nhiễm giun tròn và dẹp ký sinh trong dạ dày, ruột, đường hô hấp, tiết niệu trên heo, gia cầm	MBP-85
85	Fenben safety	Fenbendazol	Túi, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Phòng và trị các trường hợp nhiễm giun tròn và dẹp ký sinh trong dạ dày, ruột, đường hô hấp và tiết niệu của heo và gia cầm	MBP-86
86	Igy pro one	Betain, Fructose Oligosaccharide	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Kích hoạt hệ miễn dịch, nâng cao sức đề kháng	MBP-87
87	Norflox 20	Norfloxacine	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, gia cầm, cừu, lợn	MBP-88

(Xem tiếp Công báo số 377 + 378)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng